

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG
MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
VIET PHAT IMPORT EXPORT
COMMERCIAL INVESTMENT JSC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness

Số/No: 56 /2025/CBTT-VP

Hải Phòng, ngày 20 tháng 04 năm 2025
Hai Phong, 20 April 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/*Ho Chi Minh City Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/ *Name of Company*: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát /*Viet Phat Import Export Commercial Investment JSC*.

- Mã chứng khoán/ *Stock symbol*: VPG

- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address of Head office*: Số 123 BT 02-97 Bạch Đằng, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng/ *No.123BT02 – 97 Bach Dang, Thuong Ly ward, Hong Bang District, Hai Phong City*.

- Điện thoại/*Telephone*: 02253.569699 Fax: 02253.569689

- Email: info@vietphatgroup.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Announcement content*:

Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát công bố thông tin **Báo cáo thường niên năm 2024** /*Viet phat Import Export Commercial Investment Jsc announces Annual Report 2024*.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20 /04 /2025 tại đường link/ *This information was published on the company's website on 20 April 2025, at the link: <https://vietphatgroup.com.vn/bao-cau-thuong-nien>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby commit that the information disclosed above is accurate and take full responsibility before the law for the content of the disclosed information.*

Người đại diện theo pháp luật

Legal representative



Nguyễn Văn Bình



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2024



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT

MỤC LỤC

Chương

01

PHẦN MỞ ĐẦU

- 06
- Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 08
- Tầm nhìn, Sứ mệnh và Giá trị cốt lõi

Chương

02

THÔNG TIN CHUNG

- 12
- Thông tin khái quát
- 16
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 18
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 24
- Định hướng phát triển
- 26
- Các rủi ro

Chương

05

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 62
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty
- 62
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty
- 63
- Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Chương

06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 66
- Hội đồng quản trị
- 73
- Ủy ban kiểm toán
- 74
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ủy ban kiểm toán

Chương

03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 32
- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 36
- Tổ chức và nhân sự
- 44
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 48
- Tình hình tài chính
- 50
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chương

04

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 54
- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 55
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 56
- Tình hình tài chính
- 58
- Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chương

07

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 79
- Trách nhiệm với môi trường
- 80
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Chương

08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024 ĐÃ KIỂM TOÁN

- 89
- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 91
- Báo cáo kiểm toán độc lập
- 93
- Bảng cân đối kế toán
- 96
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 97
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 99
- Thuyết minh báo cáo tài chính

CHƯƠNG

01 PHẦN MỞ ĐẦU



Thông điệp của Chủ tịch
Hội đồng quản trị

06

Tầm nhìn, Sứ mệnh và Giá
trị cốt lõi

08



Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng và Quý Nhà đầu tư,

Năm 2024 là một năm đầy thách thức khi nền kinh tế thế giới và Việt Nam tiếp tục đối mặt với những biến động khó lường, từ lạm phát cao, biến động tỷ giá đến sự suy giảm của thị trường bất động sản và ngành thép. Trong bối cảnh đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (VPG) đã không ngừng nỗ lực vượt qua khó khăn, tối ưu hóa hoạt động sản xuất - kinh doanh và đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

Trong năm qua, Việt Phát đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu, nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn chưa đạt mục tiêu đề ra do ảnh hưởng của những biến động khó lường của nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Doanh thu thuần năm 2024 đạt 16.257,2 tỷ đồng, tăng 156,5% so với năm 2023 và hoàn thành 154,83% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 108,82 tỷ đồng, tăng 461,46% so với năm 2023 nhưng chỉ đạt 72,54% kế hoạch đề ra. Sự tăng trưởng mạnh mẽ về doanh thu phản ánh chiến lược mở rộng thị trường của Việt Phát đang đi đúng hướng, đặc biệt trong lĩnh vực cung ứng than nhiệt, khoáng sản và vật liệu xây dựng.

Bên cạnh kết quả kinh doanh khả quan, năm 2024 cũng đánh dấu nhiều thành tựu nổi bật của Việt Phát. Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 884 tỷ đồng, nâng cao năng lực tài chính, tạo nền tảng vững chắc để mở rộng đầu tư. Đồng thời, dự án 80 Hạ Lý, Hải Phòng được triển khai thành công, đánh dấu bước tiến chiến lược vào thị trường bất động sản. Trong lĩnh vực năng lượng, Việt Phát tiếp tục khẳng định vị thế khi ký kết các hợp đồng cung ứng than nhiệt với EVN và PVN, đảm bảo nguồn cung ổn định cho các nhà máy nhiệt điện trọng điểm. Không chỉ tập trung vào hoạt động kinh doanh, Công ty còn thể hiện trách nhiệm với cộng đồng khi ủng hộ 500 triệu đồng hỗ trợ các vùng bị ảnh hưởng bởi bão lũ, góp phần giúp người dân khắc phục hậu quả thiên tai.

Bước sang năm 2025, Việt Phát sẽ tiếp tục tập trung vào tăng trưởng bền vững với ba trọng tâm chính. Trước hết, Công ty sẽ mở rộng thị phần than nhiệt và khoáng sản, đảm bảo cung ứng ổn định cho các nhà máy điện và công nghiệp nặng. Song song đó, việc đẩy mạnh phát triển bất động sản sẽ được chú trọng thông qua các dự án chiến lược, phát triển thêm các quỹ đất mới để mở rộng quy mô hoạt động. Cuối cùng, Công ty sẽ tối ưu hóa chi phí tài chính và vận hành, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và cải thiện biên lợi nhuận.

Với những nền tảng đã xây dựng trong năm 2024 cùng chiến lược phát triển vững chắc, Việt Phát cam kết tiếp tục nỗ lực không ngừng để nâng cao giá trị cho cổ đông, khách hàng và đối tác. Chúng tôi tin rằng, với sự hỗ trợ của Quý Cổ đông và tinh thần đoàn kết của toàn thể nhân viên, Công ty sẽ tiếp tục đạt được những thành công mới trong năm 2025.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN VĂN BÌNH

“Chúng tôi khao khát tạo ra tương lai của chính mình, chúng tôi tin sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi sẽ giúp Việt Phát định hướng tốt hơn cho tương lai ấy.”



TẦM NHÌN

Chúng tôi muốn trở thành sự lựa chọn hàng đầu đối với tất cả Khách hàng và Đối tác, trở thành nhà sản xuất, nhà cung cấp nguyên liệu hàng đầu trên cả nước, đáp ứng đa dạng các nhu cầu của khách hàng bằng các dịch vụ gia tăng sử dụng.



SỨ MỆNH

Mang tới cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ với chất lượng tốt nhất và nhanh nhất. Thiết lập môi trường làm việc tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, tạo cơ hội cho sự phát triển của mọi thành viên Việt Phát. Là thương hiệu hợp tác chia sẻ, tin cậy dành cho Khách hàng và Đối tác.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tôn trọng khách hàng

Định hướng khách hàng là nền tảng mọi hoạt động.

Tôn trọng lợi ích

Kết hợp hài hòa lợi ích khách hàng, cổ đông, nhân viên, và cộng đồng là sợi chỉ xuyên suốt mọi hoạt động.

Hoàn thiện mỗi ngày

Công nghệ tiên tiến và quản trị thông tin có khoa học là cơ sở để tăng tốc và duy trì sức mạnh.

Tôn trọng tập thể

Xây dựng văn hóa Việt Phát theo phương châm tạo dựng một tập thể đoàn kết, tương trợ, văn minh, không ngừng học hỏi để hoàn thiện; luôn trao đổi thông tin để cùng tiến bộ.

Trách nhiệm cá nhân

Đội ngũ nhân viên luôn mình bạch và có tinh thần trách nhiệm, luôn thể hiện tính chuyên nghiệp và sáng tạo là cơ sở cho thành công của Công ty.



CHƯƠNG

02

THÔNG TIN CHUNG



Thông tin khái quát

12

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

16

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

18

Định hướng phát triển

24

Quản trị rủi ro

26



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên doanh nghiệp	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0200826844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 23/07/2008 ĐKKD thay đổi lần 18 vào tháng 2/2025
Địa chỉ trụ sở chính	Số 123BT 02-97 Bạch Đằng, phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại	+84 (255) 3569.699
Fax	+84 (255) 3569.699
Website	http://vietphatgroup.com.vn/
Email	info@vietphatgroup.com.vn
Logo	

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG - NHÀ ĐẦU TƯ

Mã chứng khoán	Số lượng cổ phiếu niêm yết
VPG	88.415.751 CP
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Vốn điều lệ
88.415.751 CP	884.157.510.000 VND
Vốn chủ sở hữu	
1.601.805.909.161 VND	



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



2008

2008

Năm 2008, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát được thành lập với 03 cổ đông sáng lập, tổng nhân sự khởi đầu khoảng 20 người và lĩnh vực kinh doanh chính chủ yếu là vận tải nội địa. Sang đến năm 2009, chỉ sau một năm hoạt động, Công ty đã nhanh chóng khẳng định được vị trí của mình tại khu vực phía Bắc, đã triển khai được hệ thống vận chuyển hàng hóa rộng khắp cả nước.

2010

Đến năm 2010, một loạt các thay đổi quan trọng đã đánh dấu bước ngoặt lớn của Việt Phát. Nhằm phù hợp hơn với định hướng mới của Công ty là không chỉ kinh doanh về mặt dịch vụ mà còn mở rộng phạm vi kinh doanh sang các lĩnh vực khác như kinh doanh thương mại, đầu tư, sản xuất... Trong giai đoạn này, Công ty đã triển khai nghiên cứu một loạt dự án xây dựng, tiêu biểu như: Gia công thép định hình, phân loại và kinh doanh quặng sắt tại Cụm Công nghiệp Quỳnh Phúc, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; Dự án xây dựng kho bãi, cầu cảng tại xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Qua đó, thị trường của Công ty cũng đã được mở rộng ra phạm vi toàn quốc, sản phẩm than cốc, quặng sắt, phôi thép, dịch vụ vận chuyển của Công ty đã có mặt tại nhiều tỉnh thành trong cả nước.

2014

Đến năm 2014, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát đã trở thành một trong những Công ty có danh tiếng trong lĩnh vực cung ứng khoáng sản như quặng sắt, than cốc, titan... cho các công ty như: Công ty TNHH Thép DongBu Việt Nam, Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát, Công ty Cổ phần Gang Thép Cao Bằng,... tại Việt Nam.

2016

Theo danh sách FAST500 năm 2016, Việt Phát được xếp hạng 13. Bảng xếp hạng FAST500 năm 2016 đã ghi nhận kết quả công tác quản lý và sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Việt Phát trong các năm vừa qua. Việc Việt Phát được đánh giá, xếp hạng vào Bảng xếp hạng mang đẳng cấp Quốc gia và Quốc tế và trở thành hội viên của câu lạc bộ Fast500 góp phần nâng cao hình ảnh của Việt Phát. Nằm trong kế hoạch huy động vốn để thực hiện mở rộng thị trường, tăng doanh thu, đến tháng 10/2016 Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát đã thực hiện phương án tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng, nhằm bổ sung vốn lưu động.

2018

Ngày 18/01/2018, cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), với mã chứng khoán VPG. Cũng trong năm 2018, Công ty đã nhận giải thưởng Top 100 Giải thưởng Sao vàng Đất Việt năm 2018, Top 10 thương hiệu, nhãn hiệu tin dùng năm 2018.

2019

Năm 2019, Công ty xếp hạng 471 trong Bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500) và xếp hạng 370 trong Bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp tư nhân lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (Vietnam Profit 500).

2020

Năm 2020 là năm thứ 4 liên tiếp Công ty lọt vào Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR 500). Cũng trong năm 2020, Công ty đã hoàn thành 2 đợt tăng vốn điều lệ, đưa vốn Điều lệ của Công ty từ khoảng 264 tỷ đồng lên mức khoảng 391 tỷ đồng.

2022

Năm 2022, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và chào bán cổ phiếu riêng lẻ; phát hành cổ phiếu để trả cổ tức nâng tổng vốn điều lệ của công ty lên khoảng 801 tỷ đồng. Năm 2022 cũng đánh dấu sự kiện bứt phá trong chiến lược kinh doanh khi Liên danh Việt Phát – Danka – Suek AG trúng thầu dự án cung cấp than nhiệt cho Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1, tạo tiền đề để Việt Phát đẩy mạnh mảng cung cấp than nhiệt cho các công ty nhiệt điện than tại Việt Nam. Năm thứ 6 liên tiếp Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát lọt vào Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) đứng thứ 181. Đứng thứ 321 Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

2023

Năm 2023, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức nâng tổng vốn điều lệ của công ty lên khoảng 842 tỷ đồng. Công ty mở rộng lĩnh vực kinh doanh than nhiệt khi tiếp tục trúng thầu tại Nhiệt điện Sông Hậu 1, Nhiệt điện Vũng Áng 1. Năm thứ 7 liên tiếp Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát lọt vào Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) đứng thứ 140. Đứng thứ 255 Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

2024

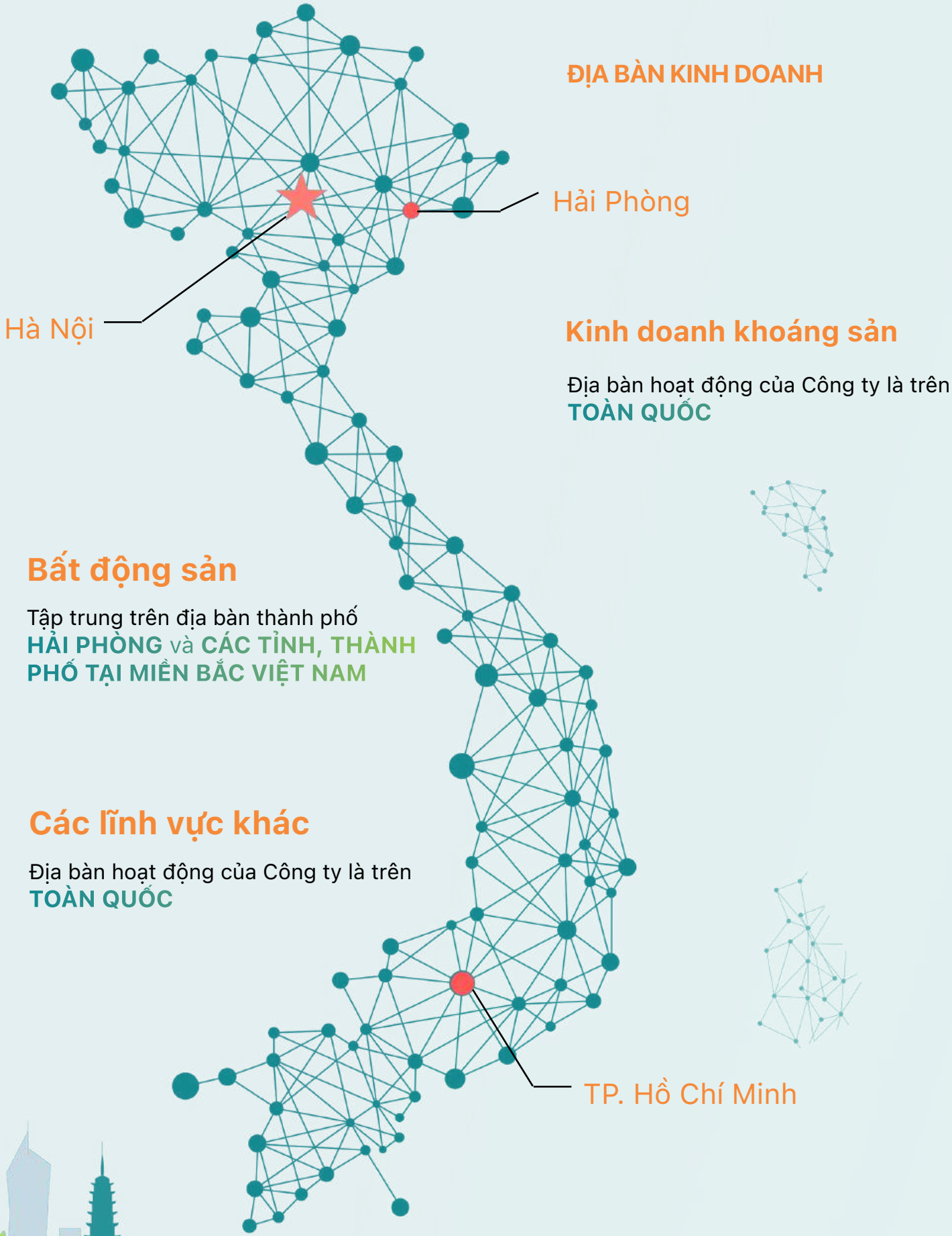
Năm 2024 đánh dấu bước phát triển quan trọng của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (VPG) với việc mở rộng lĩnh vực kinh doanh và tăng cường trách nhiệm xã hội. Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, nâng tổng vốn điều lệ từ 842 tỷ đồng lên 884 tỷ đồng, củng cố năng lực tài chính để mở rộng hoạt động. Đặc biệt, VPG chính thức tham gia vào lĩnh vực bất động sản với việc ký kết hợp đồng mua bán dự án Royal River City tại Hải Phòng, mở ra cơ hội phát triển bền vững trong tương lai.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty được cấp Giấy chứng nhận ĐKDN số 0200826844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 23/07/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 06/02/2025, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

STT	Tên ngành	STT	Tên ngành
1	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	13	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
2	Khai thác và thu gom than non	14	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, vôi và thạch cao
3	Khai thác quặng sắt	15	Sản xuất sắt, thép, gang
4	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (quặng Bôxít)	16	Đúc sắt, thép, kim loại màu
5	Khai thác và thu gom than cứng	17	Thu gom rác thải độc hại
6	Sản xuất các kết cấu kim loại	18	Xây dựng công trình công ích, các công trình kỹ thuật dân dụng
7	Đóng tàu và cấu kiện nổi	19	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
8	Sửa chữa máy móc và thiết bị	20	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	21	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan
10	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	22	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
11	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	23	Vận tải hành khách đường bộ trong nội, ngoại thành
12	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	24	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Hiện nay, VPG đang áp dụng mô hình quản trị theo điểm b, khoản 1, điều 137 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Trong đó có Đại hội đồng cổ đông,

Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Công ty con

01

Chi nhánh

01

Văn phòng giao dịch

01

TRỤ SỞ CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT

Địa chỉ: Số 123BT 02-97 Bạch Đằng, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Điện thoại: +84 (225) 356.9699
Fax: +84 (225) 356.9689
Website: <http://vietphatgroup.com.vn>
Email: info@vietphatgroup.com.vn

CÁC CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH

VĂN PHÒNG GIAO DỊCH

Địa chỉ: Phòng 121-128 Tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 Lê Thánh Tông, P. Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
Điện thoại: +84 (225) 356.9699
Fax: +84 (225) 356.9699

CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Cảng Huy Văn, Thôn Cổ Phục Bắc, Kim Liên, Kim Thành, Hải Dương
Điện thoại: +84 (220) 3726.999
Fax: +84 (220) 3726.998

CÔNG TY CON

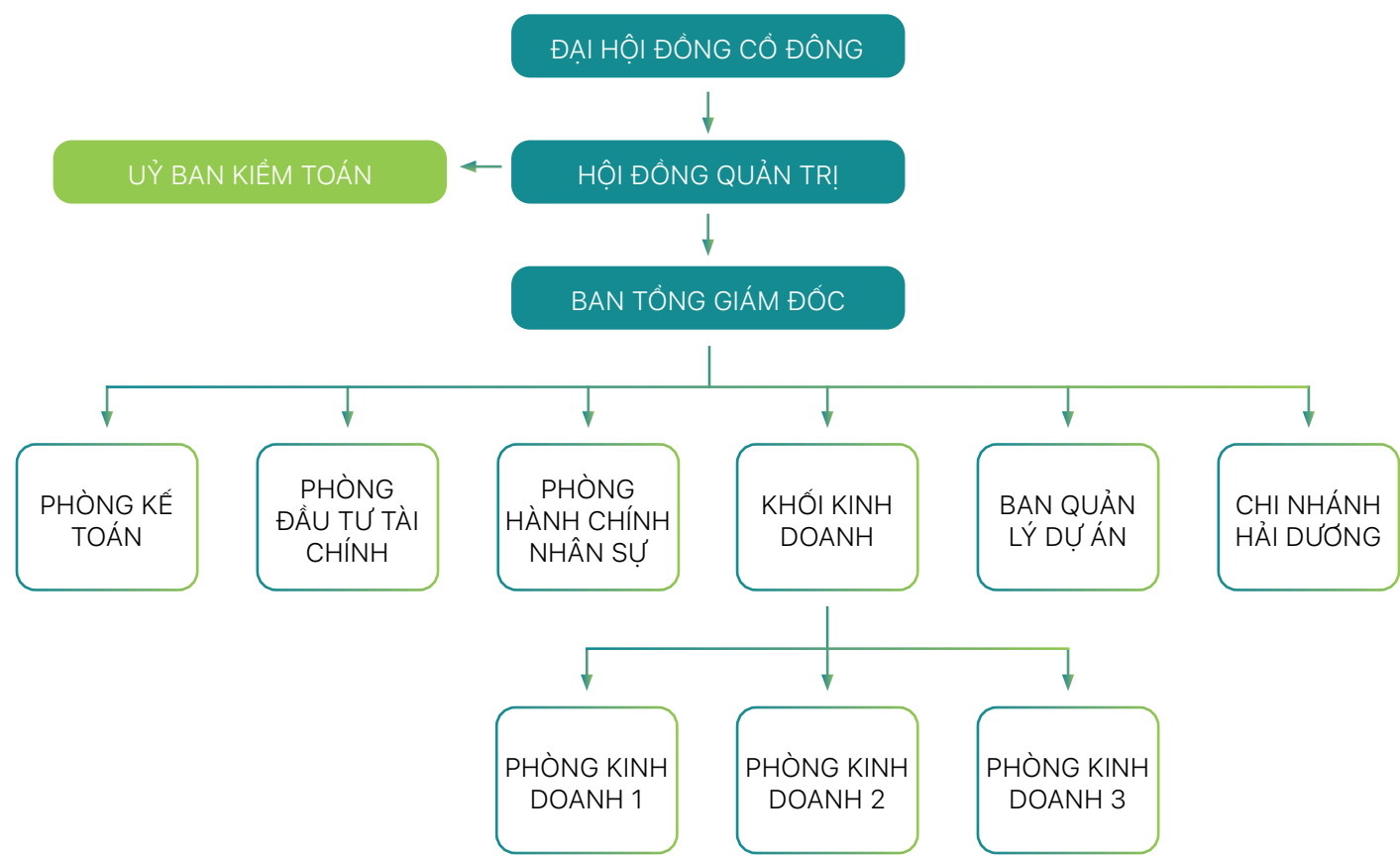
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NEWLAND

Địa chỉ: Số 11/lô 32 Khu Tái định cư Vinhomes, P. Sở Dầu, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng, Việt Nam.
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; xây dựng; thương mại; vận tải;...
Vốn điều lệ: 300 tỷ đồng.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

SƠ ĐỒ: CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Năm 2008, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát được thành lập với 03 cổ đông sáng lập, tổng nhân sự khởi đầu khoảng 20 người và lĩnh vực kinh doanh chính chủ yếu là vận tải nội địa. Sang đến năm 2009, chỉ

sau một năm hoạt động, Công ty đã nhanh chóng khẳng định được vị trí của mình tại khu vực phía Bắc, đã triển khai được hệ thống vận chuyển hàng hóa rộng khắp cả nước).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công

ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty là 05 người.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc

giúp việc Tổng Giám đốc trong lĩnh vực nội chính và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán:

Giám sát tính trung thực Báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;

Rà soát hệ thống Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;

Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;

Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;

Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;

Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty;

Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của

Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;

Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan Báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;

Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;

Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro, đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty;

Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua;

Ủy ban kiểm toán hiện có 3 thành viên trong đó Chủ tịch Ủy ban kiểm toán là thành viên Hội đồng quản trị độc lập, 1 thành viên khác của Ủy ban kiểm toán là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và 1 thành viên có chuyên ngành về kế toán.



CÁC PHÒNG BAN

PHÒNG HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ

- Lập các kế hoạch điều động nhân lực, đào tạo, thi tuyển nhân sự của Công ty để đáp ứng nhu cầu công việc phù hợp;
- Tham mưu cho Lãnh đạo áp dụng các quy định của pháp luật và các chế độ chính sách về lao động, tiền lương, tiền thưởng, trợ cấp, phụ cấp, bảo hiểm, phúc lợi đối với Người lao động trong Công ty;
- Phối hợp với các phòng nghiệp vụ, đặc biệt với

- phòng Kinh doanh để có kế hoạch nhân sự phù hợp với tình hình và tính chất của hoạt động kinh doanh;
- Quản lý phương tiện thiết bị khối văn phòng, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc mua sắm mới thiết bị văn phòng;
- Triển khai các hoạt động quảng cáo, khánh tiết, hội nghị, tổ chức các sự kiện...;
- Kiểm soát chi phí hành chính của Công ty.

PHÒNG KẾ TOÁN

- Tổ chức hoạt động của Phòng kế toán theo đúng Luật Kế toán, Luật quản lý thuế. Theo dõi các khoản phải thu, chi, hạch toán chi phí các hoạt động SXKD cập nhật chứng từ, lập thủ tục thanh quyết toán với các đối tác.
- Tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát doanh thu – chi phí, lập Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành;
- Báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty một cách chính xác, kịp thời về kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và công tác kế toán hàng

- tháng, quý, năm của Công ty;
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo công tác quản lý, sử dụng vốn của Công ty (tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa, nguồn vốn kinh doanh, chi phí sản xuất kinh doanh...);
- Kiểm soát các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật theo quy trình sản xuất của Công ty. Chấp hành đúng quy chế quản lý tài chính và các quy định khác của Công ty;
- Phối hợp cùng Phòng Kinh doanh, Phòng Đầu tư tài chính để có kế hoạch tài chính cho các hoạt động của Công ty.

KHOẢNG KINH DOANH

Khối Kinh doanh là bộ phận đóng vai trò rất quan trọng đối với Công ty, với chức năng quan trọng là tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong việc thực hiện kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm Than cốc, Quặng kim loại, Than nhiệt, Sắt thép...; thực hiện các hợp đồng thương mại, giao nhận vận tải quốc tế, thực hiện nhiệm vụ kinh doanh xuất nhập khẩu của Công ty. Khối kinh doanh bao gồm 03 phòng kinh doanh, chuyên sâu kinh doanh từng mặt hàng cụ thể như sau:

- Phòng kinh doanh 1: Kinh doanh Than cốc
- Phòng kinh doanh 2: Kinh doanh Quặng, phôi thép, thép
- Phòng kinh doanh 3: Kinh doanh mặt hàng Than nhiệt

Các Phòng kinh doanh có những chức năng và nhiệm vụ sau đây:

- Quản lý điều hành các công việc thuộc lĩnh vực kinh doanh dịch vụ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;
- Chủ động nghiên cứu, đề xuất các phương án tổ chức kinh doanh đạt hiệu quả cao. Tổ chức công tác quản lý, ký kết hợp đồng nhập khẩu, xuất khẩu Than, Quặng, Khoáng sản...;
- Thực hiện các công tác về khuyến khích

- quảng bá thương hiệu, xây dựng thương hiệu và áp dụng thương mại điện tử vào việc hoạt động kinh doanh - dịch vụ của Công ty;
- Nghiên cứu tình hình về cung cầu, giá cả các sản phẩm khai khoáng, kim loại và quặng kim loại trên thị trường trong nước và xuất khẩu để xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh xuất nhập khẩu dài hạn;
- Thực hiện và giám sát việc mở tờ khai để nhận hàng, xuất hàng đúng thời hạn yêu cầu;
- Lập và triển khai các báo cáo nhập xuất quốc tế theo yêu cầu của luật Hải quan;
- Làm hợp đồng với các đơn vị giám định hàng hóa;
- Thực hiện các công việc liên quan đến bảo hiểm hàng hóa: Hợp đồng, thủ tục hồ sơ bảo hiểm khi xảy ra sự việc tổn thất hàng hóa; Đề xuất các phương án thuê phương tiện vận chuyển hàng hóa;
- Theo dõi quá trình vận chuyển, giao nhận, xếp dỡ hàng từ cảng xếp đến cảng dỡ;
- Lập, kiểm tra hồ sơ ban đầu của khách hàng để mở LC; Xác nhận chứng từ thanh toán LC cho đối tác nước ngoài.



PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về công tác quản lý tài chính trong doanh nghiệp, quản lý và kiểm soát rủi ro về tài chính, lên chiến lược và kế hoạch tài chính ngắn hạn, dài hạn của Công ty.
- Phân tích tổng thể tình hình tài chính của doanh nghiệp báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Ban Tổng giám đốc để điều chỉnh chính sách tài chính cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Quản trị dòng tiền: Xây dựng kế hoạch và thực hiện huy động vốn ngắn, trung và dài hạn để đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu về vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Cân đối vốn, tham mưu cho ban lãnh đạo sử dụng vốn một cách hiệu quả, đảm bảo uy tín, thương hiệu của công ty.
- Lập, thực hiện, quản lý các công việc liên quan đến quản trị công ty đại chúng niêm yết.

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Thẩm định dự án, lập kế hoạch, hoàn tất các thủ tục đầu tư, quản lý và phát triển dự án.
- Quản lý và phát triển dự án: tìm hiểu và thuê tư vấn đầu thầu và duyệt các gói thầu; quan hệ ngoại giao với các ban ngành địa phương liên quan để giải quyết kịp thời các phát sinh.
- Giám sát quá trình xây dựng, tổ chức thi công, nghiệm thu hoàn công, thanh lý hợp đồng.

CHI NHÁNH HÀI DƯƠNG

- Chức năng của chi nhánh:
- Tuyển chọn, sàng lọc, chế biến, than, quặng công suất khoảng 600.000 tấn/năm;
- Kinh doanh kho bãi, bảo quản hàng hóa, thành phẩm;
- Quản lý phương tiện thiết bị khối sản xuất, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị về thuê, mua sắm mới máy móc, thiết bị.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Newland

Tính đến ngày 31/12/2024, Công ty có duy nhất 01 công ty con với thông tin như sau:

Địa chỉ: Số 11/lô 32 Khu Tái định cư Vinhomes, P. Sở Dầu, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng, Việt Nam.
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; xây dựng; thương mại; vận tải;...
Vốn điều lệ: 300 tỷ đồng.
Tỷ lệ sở hữu của VPG: 90%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Trên định hướng phát triển của Ban lãnh đạo Công ty và kết quả đạt được trong những năm qua, mục tiêu của Công ty trong năm tiếp theo là:

Tăng cường cung ứng nguyên liệu cho ngành thép: VPG tiếp tục giữ vai trò là nhà cung cấp nguyên liệu hàng đầu cho các doanh nghiệp sản xuất thép tại Việt Nam. Công ty đặt mục tiêu duy trì và mở rộng thị phần cung cấp quặng sắt, than cốc và phôi thép với sản lượng dự kiến:

- + Quặng sắt: Cung cấp 1 triệu tấn/năm cho các nhà máy như Hòa Phát Hải Dương, Gang Thép Tuyên Quang.
- + Than cốc: Đáp ứng 200.000 - 300.000 tấn/năm cho các nhà máy luyện kim như Luyện Kim Đen Thái Nguyên, Gang Thép Cao Bằng.
- + Phôi thép: Cung ứng 10.000 - 20.000 tấn/năm cho các dự án xây dựng trọng điểm

Thâm nhập sâu hơn vào ngành năng lượng: VPG đang đẩy mạnh cung ứng than nhiệt cho các nhà máy điện thuộc EVN và PVN. Công ty đặt mục tiêu:

- + Cung ứng từ 4-5 triệu tấn than nhiệt/năm, đảm bảo nguồn cung ổn định cho Nhiệt điện Sông Hậu, Vũng Áng 1, Hải Phòng, Duyên Hải, Vĩnh Tân....
- + Mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế như Glencore, BHP Billiton, Pine Energy, đảm bảo nguồn than nhập khẩu chất lượng cao, giảm rủi ro chuỗi cung ứng.

Đẩy mạnh dịch vụ vận tải, logistics cả chiều rộng và chiều sâu nhằm chuẩn bị một cách chủ động cho việc mở rộng và đẩy mạnh phát triển, lợi thế cạnh tranh của hoạt động thương mại hàng hóa.

Phát triển mảng đầu tư dự án, đặc biệt là dự án khu công nghiệp, trung tâm thương mại với các đối tác có uy tín thương hiệu không chỉ trong nước mà còn khắp thế giới.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

1. Dẫn đầu thị trường cung ứng than nhiệt và nguyên liệu công nghiệp nặng

- Duy trì vị thế số 1 trong nhóm doanh nghiệp ngoài quốc doanh cung cấp than nhiệt cho các nhà máy xi măng và nhiệt điện.
- Tăng sản lượng than nhiệt lên 5 triệu tấn/năm, mở rộng cung ứng cho các nhà máy xi măng lớn bên cạnh khách hàng truyền thống như EVN và PVN.
- Hợp tác với các tập đoàn quốc tế (Glencore, BHP, Pine Energy) để tối ưu hóa nguồn cung và giảm rủi ro giá đầu vào.

2. Mở rộng lĩnh vực bất động sản công nghiệp và thương mại

- Phát triển khu công nghiệp tại các tỉnh trọng điểm để tận dụng xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Mở rộng đầu tư bất động sản thương mại, tập trung vào các dự án như 80 Hạ Lý (Hải Phòng), trung tâm thương mại quy mô lớn tại các khu đô thị công nghiệp.
- Kết hợp đầu tư cùng các tập đoàn bất động sản uy tín, giảm thiểu rủi ro tài chính trong giai đoạn triển khai dự án.

3. Trong 10 năm tới, Công ty sẽ triển khai đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất quặng vôi viên nguồn nguyên liệu chính cho ngành sản xuất thép. Ngoài ra, Công ty cũng đặt ra các mục tiêu dài hạn:

- Trở thành nhà sản xuất, nhà cung cấp nguyên liệu hàng đầu trên cả nước, đáp ứng đa dạng các nhu cầu của khách hàng bằng các dịch vụ gia tăng sử dụng;
- Mang tới cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ với chất lượng tốt nhất và nhanh nhất;
- Thiết lập môi trường làm việc tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, tạo cơ hội cho sự phát triển của mọi thành viên của Công ty;
- + Đảm bảo lợi ích tốt nhất cho các cổ đông và đủ sức hấp dẫn, thu hút các nhà đầu tư mới;
- Góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp tiềm năng, gia tăng hiệu quả hoạt động cho Công ty
- Đẩy mạnh nghiên cứu, đầu tư, phát triển các lĩnh vực năng lượng, đặc biệt là năng lượng xanh, sạch như nhiệt điện, điện gió, điện mặt trời, điện rác, ...

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

Công ty luôn gắn liền sự tăng trưởng, phát triển của doanh nghiệp với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Trong đó, mục tiêu phát triển doanh nghiệp là mục tiêu quan trọng nhất, thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.

Việc kết hợp phát triển doanh nghiệp gắn trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới hoạt động trong hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của Công ty.



 QUẢN TRỊ RỦI RO

NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ RỦI RO



Quản trị rủi ro là một phần không thể thiếu trong mọi quy trình hoạt động của Công ty, được tích hợp xuyên suốt vào chiến lược kinh doanh và quá trình ra quyết định. Mọi hoạt động, từ sản xuất, kinh doanh, tài chính, đầu tư đến vận hành, đều cần được đánh giá rủi ro một cách toàn diện nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững. Việc quản trị rủi ro không chỉ giúp doanh nghiệp dự báo và hạn chế tổn thất mà còn tạo ra cơ hội để tối ưu hóa hiệu suất hoạt động và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.



Hệ thống quản trị rủi ro được tích hợp chặt chẽ vào cơ cấu tổ chức và vận hành của Công ty. Công ty thiết lập bộ phận kiểm soát rủi ro trực thuộc Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, đồng thời yêu cầu sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban trong quá trình đánh giá và kiểm soát rủi ro. Hệ thống báo cáo rủi ro định kỳ giúp đảm bảo tính minh bạch và cập nhật liên tục, cho phép công ty phản ứng kịp thời với những biến động bất ngờ. Cơ chế này được xây dựng để phù hợp với quy mô và phạm vi hoạt động của công ty, đảm bảo sự linh hoạt và hiệu quả trong quản lý rủi ro.



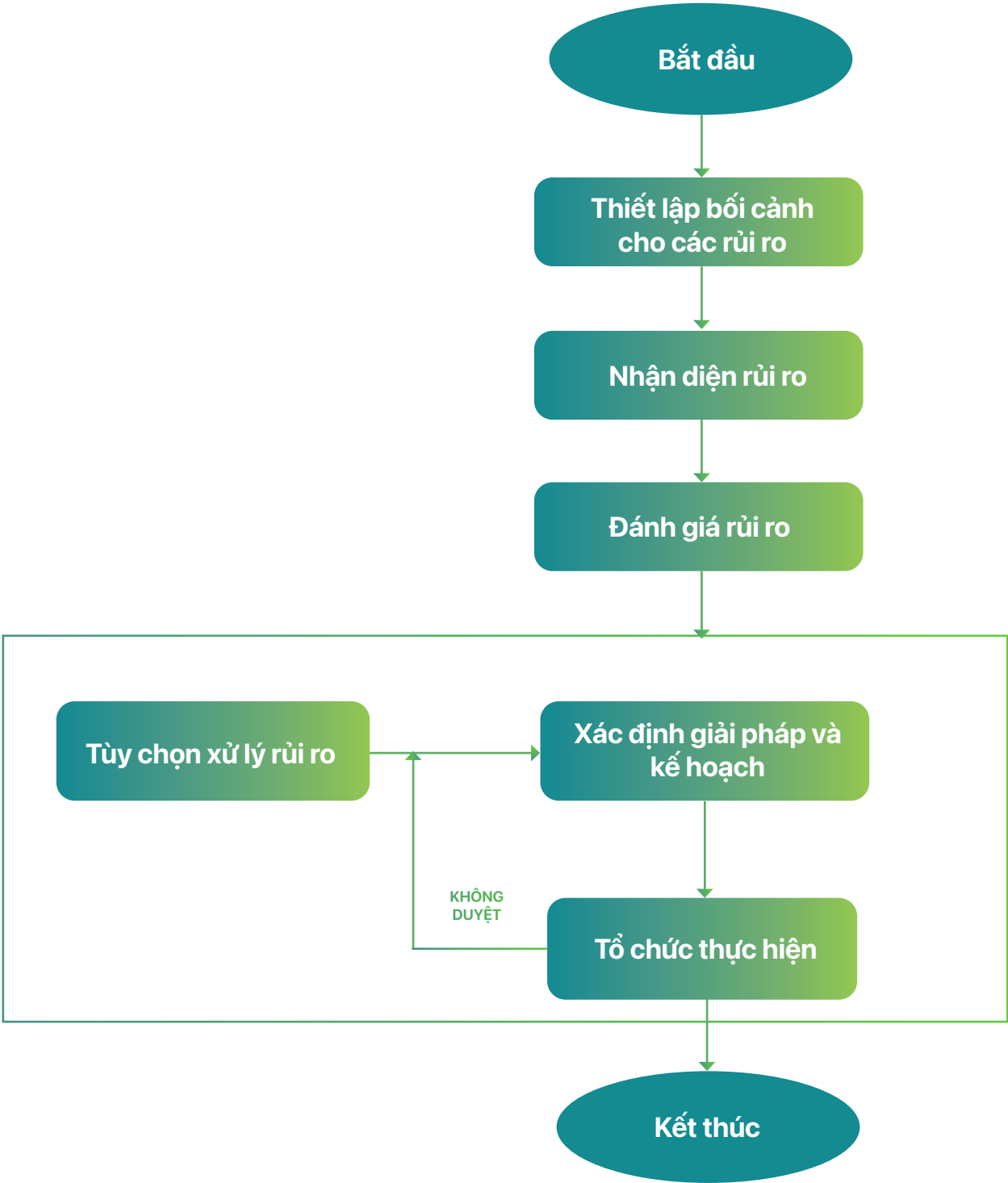
Việc đánh giá rủi ro phải dựa trên dữ liệu đáng tin cậy, phân tích đa chiều và phản ánh trung thực tình hình kinh doanh. Công ty thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau như số liệu nội bộ, xu hướng thị trường, thay đổi trong chính sách pháp lý và phản hồi từ các bên liên quan. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ giúp nâng cao khả năng nhận diện, đánh giá và dự báo rủi ro, từ đó đưa ra các biện pháp kiểm soát hiệu quả.



Các chính sách và quy trình quản trị rủi ro được thực hiện liên tục, thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với phạm vi, quy mô hoạt động, điều kiện của Tập đoàn và bối cảnh thị trường



QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

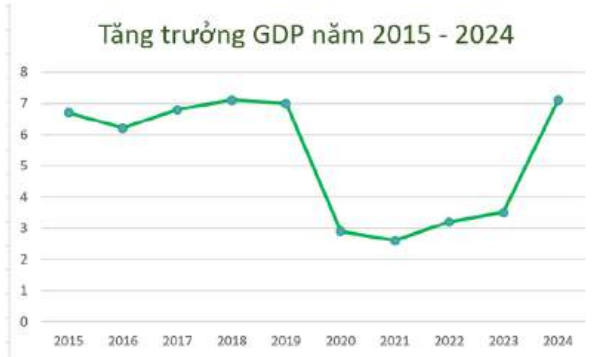


01

RỦI RO KINH TẾ

Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản và bất động sản, kết quả kinh doanh của VPG chịu ảnh hưởng lớn từ tốc độ tăng trưởng và biến động của nền kinh tế.

Năm 2024, kinh tế Việt Nam phục hồi tích cực dù chịu nhiều tác động từ xung đột địa chính trị, biến động thương mại toàn cầu và hậu quả của Covid-19. GDP cả năm tăng 7,09%, vượt chỉ tiêu đề ra. Trong đó, công nghiệp và xây dựng tăng 8,32%, riêng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,83%, đóng góp đáng



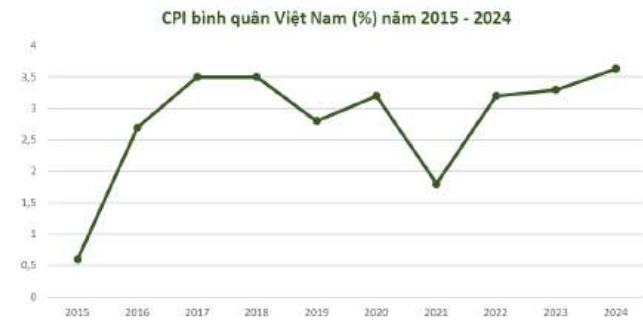
kể vào tăng trưởng chung. Ngành khai khoáng cũng ghi nhận sự phục hồi sau thời gian suy giảm, nhờ nhu cầu nguyên liệu trong nước tăng. Bước sang năm 2025, nền kinh tế vẫn đối mặt nhiều rủi ro do tác động kéo dài từ dịch bệnh, thiên tai và tăng trưởng chậm của kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, Quốc hội đặt mục tiêu tăng trưởng GDP từ 6,5% đến 7,0%, tạo động lực cho các doanh nghiệp trong nước. VPG sẽ tiếp tục theo dõi sát diễn biến kinh tế để có chiến lược kinh doanh phù hợp, giảm thiểu rủi ro và nắm bắt cơ hội thị trường.

02

RỦI RO LẠM PHÁT

Lạm phát là một yếu tố vĩ mô quan trọng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (VPG). Khi lạm phát tăng, giá nguyên vật liệu đầu vào và chi phí chung của doanh nghiệp cũng tăng theo, ảnh hưởng trực tiếp đến tỷ suất lợi nhuận.

Năm 2024, Việt Nam đã kiểm soát lạm phát hiệu quả, với chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,63% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Tuy nhiên, áp lực lạm phát trong năm 2025 dự kiến vẫn còn lớn do giá nguyên vật liệu đầu vào trên thế giới



đang ở mức cao. Việt Nam, với vai trò là nước nhập khẩu nhiều nguyên liệu phục vụ sản xuất, sẽ chịu ảnh hưởng đến chi phí và giá thành sản phẩm, tạo áp lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, việc đồng đô la Mỹ tăng giá càng làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu, gây sức ép lên mặt bằng giá hàng hóa trong nước. Để ứng phó với tình hình này, VPG cần chủ động xây dựng chiến lược quản lý chi phí hiệu quả, tìm kiếm nguồn cung ổn định và đa dạng hóa thị trường để giảm thiểu tác động của lạm phát đến hoạt động kinh doanh.

03

RỦI RO TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Rủi ro tỷ giá tiếp tục hiện hữu trong bối cảnh lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ duy trì ở mức cao, do nguồn cung tăng nhằm bù đắp thâm hụt ngân sách và Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) thu hẹp chương trình nới lỏng định lượng (QE). Tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã thực hiện các biện pháp linh hoạt để ổn định tỷ giá, đáp ứng nhu cầu ngoại tệ của người dân và doanh nghiệp, bao gồm cả Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (VPG).

Năm 2024, NHNN đã điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, góp phần kiểm soát lạm phát dưới 4%, ổn định lãi suất và tỷ giá, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế.

04

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Chênh lệch lãi suất giữa USD và VND tại các kỳ hạn chủ chốt trên thị trường liên ngân hàng đã leo lên đỉnh mới, cao nhất là 4,67% đối với lãi suất qua đêm. Để giảm áp lực lên tỷ giá, NHNN đã hút ròng hơn 57.000 tỷ đồng nhằm điều tiết chênh lệch lãi suất giữa USD và VND.

Năm 2025, NHNN tiếp tục đối mặt với thách thức trong việc điều hành tỷ giá, do chênh lệch lãi suất giữa USD và VND trên thị trường liên ngân hàng và lãi suất huy động USD trong nước và nước ngoài. Tuy nhiên, NHNN đã ban hành Chỉ thị

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia ảnh hưởng rất lớn đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung và lĩnh vực khai thác, kinh doanh khoáng sản và bất động sản của Công ty nói riêng. Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan, và các đạo luật liên quan khác. Với tư cách là một doanh nghiệp đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, CTCP Đầu tư Thương mại xuất nhập khẩu Việt Phát còn chịu tác động

số 01/CT-NHNN ngày 20/01/2025 về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2025, nhằm duy trì ổn định tỷ giá hối đoái và đáp ứng nhu cầu ngoại tệ của nền kinh tế. Tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ, áp dụng cho ngày 03/03/2025, được NHNN công bố ở mức 24.758 VND/USD.

Với sự điều hành linh hoạt của NHNN, VPG có thể yên tâm hơn trong hoạt động xuất nhập khẩu, dù vẫn cần theo dõi sát sao diễn biến tỷ giá và lãi suất để có chiến lược kinh doanh phù hợp.

bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Như vậy, bất kỳ thay đổi bất lợi nào trong hệ thống các văn bản pháp luật này cũng có thể tác động tiêu cực đến hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra, trong quá trình hội nhập, các doanh nghiệp còn phải đối mặt với các rào cản thương mại ngày càng gia tăng từ các thị trường nhập khẩu lớn như Mỹ, EU với các yêu cầu khắt khe về quy tắc xuất xứ, trách nhiệm xã hội, nhãn mác sinh thái, bảo vệ môi trường, ... đặt ra nhiều thách thức cho doanh nghiệp.

05

RỦI RO MÔI TRƯỜNG, RỦI RO KHÁC

Ngành kinh doanh khoáng sản của CTCP Đầu tư Thương mại xuất nhập khẩu Việt Phát đang đứng trước nhiều thách thức liên quan đến vấn đề môi trường khi là ngành tiêu tốn nhiều năng lượng, nước và có nhiều hoạt động xả thải. Vấn đề về môi trường đòi hỏi Công ty hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến môi trường phải nỗ lực để xuất ra

các giải pháp xanh – sạch để giải quyết thực trạng môi trường hiện tại ở Việt Nam, bên cạnh đó hướng tới tầm nhìn dài hạn, các dự án lâu năm, mang nhiều ý nghĩa chung tay vì cộng đồng, góp phần làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường do tình trạng xả thải từ các khu công nghiệp.

06

RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG KHÁC

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Trong năm 2024, cơn bão Yagi đã gây ra nhiều thiệt hại ở mức nghiêm trọng cho nền kinh tế. Để hạn chế tối đa những thiệt hại

có thể xảy ra, Công ty đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại như mua bảo hiểm cho tài sản và các sản phẩm hàng hóa, lắp đặt các hệ thống báo cháy, tập huấn nhân viên phòng cháy, chữa cháy và các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn khác.

CHƯƠNG

03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



Tình hình hoạt động sản
xuất kinh doanh

32

Tổ chức và nhân sự

36

Tình hình đầu tư, tình hình
thực hiện các dự án

44

Tình hình tài chính

48

Cơ cấu cổ đông, thay đổi
vốn đầu tư của chủ sở hữu

50



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Năm 2024 là một năm đầy biến động của kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng, khi các nền kinh tế đương đầu với lạm phát, lãi suất cao và mức nợ lớn – là hệ quả của thời kỳ chống dịch và căng thẳng chính trị. Trong bối cảnh đó, Ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ nhân viên của Việt Phát đã rất nỗ lực để duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, và đạt được một số kết quả như sau:

Doanh thu

16.257,2
tỷ đồng

Doanh thu thuần năm 2024 đạt 16.257,2 tỷ đồng, tăng 9.920 tỷ đồng (tương đương 156,5%) so với năm 2023. Đây là mức doanh thu cao kỷ lục từ trước tới nay của Công ty. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc mở rộng quy mô cung ứng các mặt hàng chủ lực, đặc biệt là than nhiệt và quặng sắt, cho các nhà máy nhiệt điện (EVN, PVN) và

thép lớn (Hòa Phát, Tuyền Quang). Trong đó, than nhiệt đóng góp khoảng 11.524 tỷ đồng doanh thu, tăng trưởng hơn 313% so với năm 2023. Các hợp đồng thương mại lớn ký kết từ cuối năm 2023 đã được triển khai hiệu quả ngay từ đầu năm, giúp sản lượng tiêu thụ tăng mạnh bất chấp giá nguyên liệu có xu hướng giảm.

Lợi nhuận sau thuế

108,82
tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 108,82 tỷ đồng, tăng 89,43 tỷ đồng (tương ứng tăng trưởng 461,45%) so với năm 2023. Trong đó, lợi nhuận gộp từ mảng bất động sản đạt 187,9 tỷ đồng, cho thấy sự đóng góp tích cực từ lĩnh vực này, đồng thời phản ánh những tín hiệu

khả quan trong việc kiểm soát chi phí tài chính. Tuy vậy, biên lợi nhuận ròng cả năm vẫn duy trì ở mức thấp, khoảng 0,67%, do biến động khó lường của giá nguyên liệu cùng với chi phí vận hành tăng mạnh khi doanh nghiệp mở rộng quy mô hoạt động.



- Với kết quả này, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu năm 2024 (đạt ~154,8% kế hoạch), đồng thời ghi nhận bước tiến đáng kể về năng lực triển khai thương mại và đầu tư. Dù lợi nhuận sau thuế chưa đạt mục tiêu như kỳ vọng, nhưng đây vẫn là một năm chuyển mình mạnh mẽ, thể hiện rõ nội lực tăng trưởng của doanh nghiệp. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục chú trọng nâng cao hiệu quả vận hành, tối ưu cơ cấu sản phẩm, mở rộng các mảng kinh doanh có biên lợi nhuận cao và kiểm soát chặt chẽ chi phí để gia tăng hiệu quả lợi nhuận bền vững.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Chênh lệch	
			Giá trị	%
Doanh thu thuần	6.337,724	16.257,201	9.919,477	156,51
Lợi nhuận từ HĐKD	30,198	145,836	115,638	382,93
Lợi nhuận khác	-3,013	-6,70	-3,683	122,24
Lợi nhuận trước thuế	27,185	139,14	111,955	411,82
Lợi nhuận sau thuế	19,381	108,816	89,435	461,45
Thuế TNDN	7,956	42,905	34,949	439,28

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Năm 2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (VPG) đã đạt kết quả tăng trưởng đột phá về doanh thu, nhưng chưa hoàn thành toàn bộ chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

- Cụ thể, doanh thu thuần năm 2024 đạt 16.257,2 tỷ đồng, tăng 156,5% so với năm 2023 (tăng 9.919,5 tỷ đồng). Trong khi đó, lợi nhuận sau thuế đạt 108,82 tỷ đồng, tăng 461,4% so với năm trước, tương đương tăng 89,43 tỷ đồng, nhưng chỉ đạt 72,54% kế hoạch lợi nhuận năm 2024 (150 tỷ đồng). Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm là 42,905 tỷ đồng, tăng gần 439,3% so với năm trước.

- Tuy nhiên, mức lợi nhuận sau thuế không đạt kế hoạch do biên lợi nhuận ròng vẫn ở mức thấp

(~0,67%). Các nguyên nhân chính bao gồm:

- Giá nguyên liệu đầu vào (than, quặng sắt) biến động mạnh, khiến giá vốn hàng bán tăng cao và biên lợi nhuận gộp thu hẹp;
- Chi phí vận hành tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước;
- Chi phí tài chính (chủ yếu là lãi vay) vẫn ở mức cao trong phần lớn thời gian của năm, dù đã giảm trong quý cuối;
- Đầu tư lớn vào bất động sản và hàng tồn kho, dẫn đến nhu cầu vốn lưu động lớn, làm gia tăng áp lực tài chính.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Chênh lệch	
			Giá trị	%
Doanh thu thuần	10.500	16.257	5.757	54,83
Lợi nhuận sau thuế	150	108	-41	-27,46
Thuế TNDN		42,905		

KẾT QUẢ THỰC TẾ SO VỚI MỤC TIÊU 2024

Năm 2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (VPG) đã đạt kết quả tăng trưởng đột phá về doanh thu, nhưng chưa hoàn thành toàn bộ chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

Mức tăng trưởng vượt trội về doanh thu chủ yếu đến từ việc Công ty mở rộng mạnh mẽ danh mục sản phẩm và thị trường tiêu thụ trong năm 2024. VPG tập trung cung cấp than nhiệt (2–3 triệu tấn/năm) và quặng sắt (1 triệu tấn/năm) cho các nhà máy nhiệt điện và luyện thép lớn trong nước, đồng thời chính thức tham gia lĩnh vực bất động sản thông qua công ty con – CTCP Đầu tư Xây dựng Newland – với dự án tại Hải Phòng. Đây là các yếu tố mang lại đóng góp doanh thu đáng kể, giúp VPG vượt xa kế hoạch doanh thu đề ra.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh thị trường, dù nhu cầu tiêu thụ than và quặng trong nước tăng cao nhờ sản xuất công nghiệp phục hồi và khủng hoảng năng lượng, nhưng một số mảng như thép xây dựng và bất động sản vẫn có dấu hiệu chững lại, ảnh hưởng đến cơ cấu doanh thu theo hướng tối ưu lợi nhuận.

Tổng thể, năm 2024 là một năm ghi dấu ấn mạnh mẽ về mở rộng quy mô và tăng trưởng doanh thu của VPG. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả tài chính trong giai đoạn tới, Công ty cần tiếp tục tối ưu cơ cấu chi phí, kiểm soát dòng tiền, tái cơ cấu danh mục sản phẩm và phát triển các mảng có biên lợi nhuận cao hơn.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN VĂN BÌNH

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Số cổ phiếu VPG nắm giữ:
22.800.880 cổ phiếu

Tỷ lệ
25,79%



Ông NGUYỄN VĂN ĐỨC

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1985

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Số cổ phiếu VPG nắm giữ:
2.977.157 cổ phiếu

Tỷ lệ
3,37%

Quá trình công tác

06/2001 - 02/2006 Giám đốc Công ty TNHH Hải Nam

03/2006 -05/2013 Công ty TNHH Thương mại vận tải Âu Việt

Từ 07/2008 đến nay Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Phát

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Tiên Thanh

Quá trình công tác

08/2011-05/2013 Nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

06/2013-11/2014 Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

12/2014 - 02/2020 Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

03/2020 đến nay Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Phát





Ông NGUYỄN KHÔI

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập kiêm
Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công trình

Số cổ phiếu VPG nắm giữ:
0 cổ phiếu

Tỷ lệ
0%

Quá trình công tác

Từ 06/2006 - 12/2010	Phó Ban quản lý các dự án Nhà máy đóng tàu Dung Quất
Từ 01/2011 - 06/2011	Cán bộ giám sát Công ty Công trình giao thông Hải Phòng
Từ 06/2011 - 04/2016	Phó Ban quản lý các dự án Viện Khoa học công nghệ tàu thủy
Từ 11/2013 - 04/2014	Kiểm nhiệm thêm Trợ lý Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Định Công
Từ 04/2014 - 04/2016	Kiểm nhiệm thêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Định Công
Từ 04/2016 - 01/2017	Giám đốc Trung tâm Công trình ven bờ và Nhà máy đóng tàu thuộc Viện Khoa học công nghệ tàu thủy
Từ 01/2017 - 11/2017	Giám đốc Công ty Cổ phần Viện công nghệ tàu thủy Việt Nam
Từ 11/2017 - 06/2021	Chuyên viên Phòng phát triển dự án Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát
Từ 07/2021 đến nay	Trưởng phòng Phát triển Dự án Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát
Từ 04/2019 đến nay	Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát
Từ 05/2021 đến nay	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Tiên Thanh



Bà LÊ THỊ THANH LỆ

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1980

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Số cổ phiếu VPG nắm giữ:
4.002.075 cổ phiếu

Tỷ lệ
4,53%

Quá trình công tác

2009 - 2013	Thủ quỹ Công ty TNHH Thương mại vận tải Âu Việt
2013 - 2015	Giám đốc Công ty TNHH Thương mại vận tải Âu Việt
Từ 2017 đến nay	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng NewLand



Ông LÊ ĐÌNH ĐIỀU

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
kiêm thành viên Ủy ban kiểm toán

Năm sinh: 1958

Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật

Số cổ phiếu VPG nắm giữ:
110.811 cổ phiếu

Tỷ lệ
0,13%

Quá trình công tác

Từ 1978 - 1981	Học viên Trường Công An Hải Phòng
Từ 1982 - 1999	Cán bộ Công an Hồng Bàng
Từ 1999 - 2013	Phó trưởng CA phường Minh Khai Công an quận Hồng Bàng
Từ 2014 đến nay	Hưu trí

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Không

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ông NGUYỄN KHÔI
Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

(Thông tin đã giới thiệu ở phần Hội đồng quản trị) (Thông tin đã giới thiệu ở phần Hội đồng quản trị)



Bà NGÔ THỊ MINH LỰA
Thành viên Ủy ban kiểm toán
Năm sinh: 1990
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
Số cổ phiếu VPG nắm giữ:
256.443 cổ phiếu
Tỷ lệ
0,29%

Quá trình công tác	
Từ 2012 - 2013	Kế toán viên Công ty TNHH dược phẩm Hoa Linh
Từ 2013 - 2015	Kế toán viên Công ty Cổ phần Phần mềm – Tự động hóa – Điều khiển
Từ 2016 - 2018	Nhân viên kinh doanh Công ty Cổ phần Vĩnh Thắng
Từ 2018 - nay	Kế toán viên Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	
Không	



BAN ĐIỀU HÀNH

Ông NGUYỄN VĂN ĐỨC
Tổng Giám đốc

(Thông tin đã giới thiệu ở phần Hội đồng quản trị) (Thông tin đã giới thiệu ở phần Hội đồng quản trị)



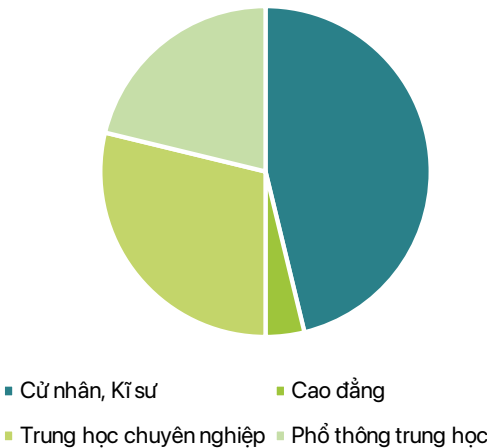
Bà LÊ THỊ THANH LỆ
Phó Tổng Giám đốc
Bà NGUYỄN THỊ MAI HOA
Kế toán trưởng
Năm sinh: 1977
Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị tài chính kế toán
Số cổ phiếu VPG nắm giữ:
2.961 cổ phiếu
Tỷ lệ
0,003%

Quá trình công tác	
Từ 2000 - 2005	Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Daso Hải Phòng
Từ 2005 - 2010	Kế toán tổng hợp kiêm Phó Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Daso Hải Phòng
Từ 2010 - 2013	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải
Từ 2013 - 2015	Kế toán trưởng Công ty TNHH Đức Anh
Từ 2015 - 2016	Kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát
Từ 2016 - 2019	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát
Từ 2019 - nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	
Không	

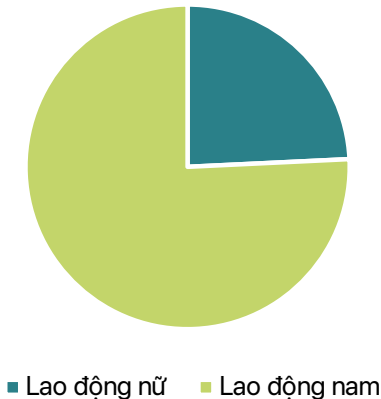
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I. Theo trình độ lao động		
- Cử nhân, Kỹ sư	124	71,68%
- Cao đẳng	7	4,05%
- Trung học chuyên nghiệp	25	14,45%
- Phổ thông trung học	17	9,83%
II. Theo giới tính		
- Lao động nữ	119	68,79%
- Lao động nam	54	31,21%
Tổng cộng	173	100%

Theo trình độ lao động



Theo giới tính



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5 h. Thực hiện nghỉ vào chiều thứ 7 và ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho

người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca. Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh lao động.

Về thu nhập

Mức thu nhập bình quân của người lao động Công ty trong năm 2024 là 13.500.000 triệu đồng/tháng

Chính sách tuyển dụng

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn phát triển lâu dài cho Công ty.

Về đào tạo

Chính sách đào tạo cho người lao động luôn được Công ty chú trọng. Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ của nguồn nhân lực, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát đã xây dựng Quy trình đào tạo nhằm đảm bảo thực hiện việc đào tạo một cách khoa học, hệ thống và mang lại hiệu quả cao.

Chính sách lương thưởng

Công ty đã ban hành quy chế tiền lương thưởng dựa trên sự đóng góp của từng lao động vào sự phát triển của Công ty. Ngoài các đợt khen thưởng trong các dịp lễ, tết của quốc gia, Công ty còn có những chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có những đóng góp nổi bật hoặc có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong quá trình sản xuất. Tiền lương, phụ cấp lương dựa trên thang bảng lương đăng ký với Phòng Lao động TBXH Quận có thỏa thuận với người lao động. Đối với tiền thưởng: Công ty thực hiện chế độ thưởng đối với người lao động theo quy chế lương thưởng tại Công ty tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong quý, trong năm, và kết quả phân phối lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hàng năm, Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát, khuyến học cho con em người lao động; Tặng quà cho người lao động trong các dịp lễ tết, sinh nhật; Kịp thời giúp đỡ, hỗ trợ khi có khó khăn. Công ty thực hiện các chính sách từ thiện xã hội tổ chức phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, đồng thời góp phần đóng góp phúc lợi xã hội.

Chính sách trợ cấp

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về trợ cấp đối với người lao động theo đúng quy định hiện hành, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên Công ty còn nhận được thêm phụ cấp độc hại, trợ cấp xa gia đình (nếu được điều động đi công tác dài hạn cách xa nơi cư trú).

Nhìn chung, các chính sách đối với người lao động của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát thực hiện trong những năm qua đã thực sự đem lại hiệu quả, tạo ra sự cạnh tranh thi đua trong công việc, tạo động lực và giữ vững niềm tin nơi người lao động để họ tiếp tục gắn bó và cống hiến hết mình cho Công ty.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Dự án Bắc sông Cấm: Thi công san lấp mặt bằng gói thầu 3.23	
Về diện tích	Theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng 56,44ha.
Về giá trị	Giá trị gói thầu theo phụ lục hợp đồng: 213.634.718.000 đồng.
Vị trí	Khu đô thị mới Bắc Sông Cấm xã Lâm Động, Hoa Động, Tân Dương, Dương Quan huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng
Tiến độ thực hiện	Đã hoàn thành toàn bộ khối lượng hợp đồng và phụ lục hợp đồng và hoàn thiện thủ tục quyết toán
Mục đích	Phát triển mở rộng thành phố về phía Bắc và từng bước hoàn thiện hệ thống trung tâm thành phố mới theo định hướng phát triển không gian đô thị đã xác định trong điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng
Tình hình thực hiện dự án	* Các lô ngoài đề đã thi công xong hết phần diện tích Chủ đầu tư bàn giao theo Hợp đồng. * Các lô trong đề đã thi công xong toàn bộ mặt bằng và đã bàn giao cụ thể như sau: -Lô 17: làm nhà ở -Lô 16: làm nhà cao tầng -Lô 15: làm quảng trường -Lô 14: làm khu liên hiệp nhà cao tầng (75 tầng) -Lô 13: làm khu nhà ở xã hội
Dự án Khu nhà ở thương mại tại Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê chân, TP. Hải Phòng	
Diện tích đất	24.370 m2
Sản phẩm dự án	174 căn nhà liền kề và 01 công trình văn phòng dịch vụ thương mại
Tình hình thực hiện dự án	Công trình nhà ở thương mại thấp tầng: Đã bàn giao nhà cho khách hàng 174 căn, đạt 100%. Công trình văn phòng thương mại dịch vụ: đang xin phê duyệt quy hoạch bổ sung tầng hầm phục vụ nhu cầu đỗ xe công trình văn phòng thương mại, hiện tại các sở ngành đã hoàn thiện các ý kiến tham vấn, dự kiến trình UBND thành phố Hải Phòng trong quý 2 năm 2024. Công tác lập và điều chỉnh thiết kế bổ sung tầng hầm dự kiến hoàn thiện trong quý 3 năm 2024.

Công trình nâng cấp, cải tạo Tòa nhà số 2 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	
Tên dự án	Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát
Quy mô công trình	Công trình bao gồm: 13 tầng + 01 hầm. Tổng diện tích sàn: 5.460 m2
Tổng mức đầu tư	68 tỷ đồng
Địa điểm	Số 2 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.
Tiến độ thực hiện	Đã hoàn thành toàn bộ công tác sửa chữa cải tạo
Mục đích	Cải tạo nâng cấp tòa nhà văn phòng phục vụ cho thuê và sử dụng làm trụ sở cho hệ thống các công ty trong tập đoàn
Tình hình thực hiện dự án	Đã hoàn thành toàn bộ công tác sửa chữa cải tạo, cho thuê và đi vào hoạt động trong quý 1 năm 2024
Dự án phát triển nhà ở, chỉnh trang đô thị tại số 80 Hạ Lý, P. Hạ Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	
Đơn vị thực hiện	Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Newland (Công ty do Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát sở hữu 90% vốn điều lệ).
Diện tích đất	18.003m2
Tiến độ thực hiện	36 tháng (kể từ tháng 12/2022)
Tổng mức đầu tư	800 tỷ
Sản phẩm	Sản phẩm 124 căn liền kề diện tích, mỗi căn gồm 05 tầng diện tích mỗi sàn từ 67-100 m2.
Tình hình thực hiện dự án	I. Phần công trình hạ tầng kỹ thuật: Cơ bản hoàn thành, đủ điều kiện nghiệm thu hạ tầng kỹ thuật II. Phần công trình nhà ở thấp tầng: * Phần cọc BTCT + Phần móng + Phần kết cấu : hoàn thành * Phần hoàn thiện + Lô LK1, Lô LK2. Lô LK3: hoàn thành + Lô LK3A, Lô LK5, Lô LK6: Hoàn thành đạt 95%, phần ốp đá và nhôm kính dự kiến hoàn thành trong quý 1 năm 2025 III. Công tác bàn giao nhà + Đã bàn giao nhà cho khách hàng: 66 căn/124 căn. + Số lượng khách hàng đang hoàn thiện nội thất trong nhà: 08 căn + Số lượng khách hàng đã vào ở: 03 căn IV. Công tác làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất: + Đã hoàn thành xác nhận đủ điều kiện đợt 1 số lượng 63 căn và nộp hồ sơ xin cấp sổ đợt 1

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Newland được thành lập ngày 18/10/2022 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202177384 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp với vốn điều lệ là 300 tỷ đồng trong đó Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát sở hữu 90% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Newland đang đầu tư thực hiện Dự án phát triển nhà ở, chỉnh trang đô thị tại số 80 Hạ Lý, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Công ty liên kết

Công ty không có công ty liên kết.

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Newland

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tỷ lệ
Tổng tài sản	591.574	612.498	103,5%
Doanh thu thuần	14.420	566.461	3.928,3%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(940)	126.293	
Lãi/lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(797)	100.479	



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Chênh lệch	
			Giá trị	%
Tổng giá trị tài sản	7.155	8.446	1.301	18,18
Doanh thu thuần	6.338	16.257	9.919	156,5
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	145	115	383,33
Lợi nhuận khác	(3)	(3)	0	0
Lợi nhuận trước thuế	27	139	112	414,81
Lợi nhuận sau thuế	19	108	89	468,42
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (Payout ratio)	217%			

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,22	1,17
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,66	0,67
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,79	0,81
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	3,79	4,28
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	lần	2,62	4,92
+ Vòng quay tổng tài sản	lần	0,99	2,08
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,31	0,67
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,32	7,03
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,3	1,39
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,48	0,9
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	220	1061

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Tại thời điểm 31/12/2024, hệ số thanh toán hiện hành của Công ty đạt 1,17 lần, giảm nhẹ so với mức 1,22 lần tại thời điểm 31/12/2023. Mặc dù giảm nhưng hệ số này vẫn duy trì trên mức an toàn tối thiểu (1,0), cho thấy Công ty vẫn đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn.

Hệ số thanh toán nhanh đạt 0,67 lần, tăng nhẹ so với mức 0,66 lần của năm trước. Chỉ tiêu này tiếp tục duy trì trong vùng an toàn (0,5 – 1), phản ánh khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn mà không phụ thuộc vào hàng tồn kho vẫn được duy trì ổn định.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Tại thời điểm 31/12/2024, hệ số Nợ/Tổng nguồn vốn là 0,81 lần, tăng nhẹ so với mức 0,79 lần vào cuối năm 2023. Điều này cho thấy tỷ trọng nợ trong tổng nguồn vốn có xu hướng tăng lên. Năm 2024, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng từ 3,79 lần lên 4,28 lần, ở mức khá cao, tuy

nhiên một phần là do công ty duy trì khoản mục tiền và tương đương tiền để đảm bảo cho việc thanh toán L/C chưa đến hạn (1.628 tỷ đồng). Vì vậy, về bản chất, cơ cấu vốn của công ty vẫn ở mức an toàn.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm 2024, vòng quay hàng tồn kho của Công ty tăng mạnh từ 2,62 vòng lên 4,92 vòng, cho thấy tốc độ luân chuyển hàng hóa được cải thiện rõ rệt. Sự tăng trưởng này phản ánh hiệu quả trong việc tối ưu hóa tồn kho và tăng tốc độ bán hàng, đặc biệt ở mảng than nhiệt.

Vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,99 vòng lên 2,08 vòng, phản ánh việc sử dụng tài sản hiệu quả hơn trong tạo ra doanh thu. Đây là tín hiệu tích cực cho thấy Công ty đã nâng cao năng suất sử dụng nguồn lực tài chính, đặc biệt là tài sản hiện hữu.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ số phản ánh hiệu quả sinh lời của Công ty trong năm 2024 đều tăng so với năm 2023:

ROA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân) tăng từ 0,30% lên 1,39%, cho thấy hiệu quả sinh lời trên tài sản đã được cải thiện đáng kể.

ROE (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân) tăng từ 1,32% lên 7,03%, phản ánh hiệu suất sinh lời trên vốn của chủ sở hữu có chuyển biến tích cực.

ROS (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần) đạt 0,67%, tăng gần gấp đôi so với mức 0,31% của năm 2023, cho thấy

Công ty đang dần cải thiện biên lợi nhuận ròng.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần tăng từ 0,48% lên 0,90%, chứng tỏ hiệu quả hoạt động cốt lõi đang được nâng cao, dù vẫn còn dư địa để cải thiện so với mức bình quân ngành.

Mức tăng trưởng các chỉ tiêu này cho thấy hiệu quả kinh doanh của Công ty đã cải thiện rõ rệt trong năm 2024, nhờ đóng góp tích cực từ hoạt động thương mại than và bất động sản, cũng như cải tiến trong kiểm soát chi phí và sử dụng tài sản hiệu quả.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (TẠI THỜI ĐIỂM 24/03/2025)

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	6150	88.144.795	99,69
Cổ đông cá nhân	6134	87.754.393	99,25
Cổ đông tổ chức	16	390.402	0,44
II. Cổ đông nước ngoài	41	270.956	0,31
Cổ đông cá nhân	33	120.002	0,14
Cổ đông tổ chức	8	150.954	0,17
III. Cổ phiếu Quỹ	-	-	
Tổng cộng	6191	88.415.751	100

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẴM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN (TẠI THỜI ĐIỂM 24/03/2025)

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CCCD	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Văn Bình	Phòng 121-128 Tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	030073000067	22.800.880	25,79%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

STT	Thời gian	Giá trị vốn tăng/giảm	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận
1	23/07/2008	25.000.000.000	25.000.000.000	Góp vốn của các cổ đông sáng lập	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
2	21/05/2014	75.000.000.000	100.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nhà đầu tư có nhu cầu	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
3	01/10/2016	100.000.000.000	200.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nhà đầu tư có nhu cầu	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
4	07/08/2018	29.999.930.000	229.999.930.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
5	27/06/2019	34.498.820.000	264.498.750.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
6	10/07/2020	85.501.250.000	350.000.000.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
7	18/09/2020	41.998.140.000	391.998.140.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
8	06/07/2021	39.198.740.000	431.196.880.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
9	20/01/2022	297.882.400.000	729.079.280.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng và chào bán riêng lẻ	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
10	13/06/2022	72.904.080.000	801.983.360.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
11	31/07/2023	40.087.350.000	842.070.710.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
12	01/07/2024	42.103.530.000	884.157.510.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không



CHƯƠNG

04

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



Đánh giá kết quả hoạt động
sản xuất kinh doanh

54

Những cải tiến về cơ cấu tổ
chức, chính sách, quản lý

55

Tình hình tài chính

56

Kế hoạch phát triển trong
tương lai

58



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024

Năm 2024, Công ty CP Đầu tư Thương mại XNK Việt Phát (VPG) đạt kết quả kinh doanh vượt bậc so với kế hoạch đề ra. Cụ thể các chỉ tiêu chính về doanh thu và lợi nhuận như sau:

Doanh thu hợp nhất: Thực hiện đạt 16.257 tỷ đồng, tăng khoảng 155% so với năm 2023 (6.338 tỷ đồng) và hoàn thành vượt ~155% kế hoạch năm. Kết quả này đồng nghĩa doanh thu của VPG đã vượt xa mục tiêu đề ra cho năm 2024.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: Đạt 98,8 tỷ đồng (phần lợi nhuận thuộc về cổ đông công ty mẹ), chỉ tương đương ~66% mức kế hoạch năm (kế hoạch 150 tỷ đồng). Mặc dù chưa hoàn thành kế hoạch lợi nhuận, mức lợi nhuận này đã tăng mạnh hơn 4 lần so với năm 2023 (lợi nhuận 2023 là 19,46 tỷ đồng). Nói cách khác, lợi nhuận sau thuế năm 2024 tăng trưởng khoảng 408% so với năm trước – một mức tăng đột biến dù chưa đạt kỳ vọng tuyệt đối theo kế hoạch đề ra.

Như vậy, Việt Phát đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu nhưng chưa đạt mục tiêu lợi nhuận sau thuế. Cụ thể, doanh thu thuần năm 2024 của Công ty vượt 54,83% so với kế hoạch (tương ứng 154,83% kế hoạch năm) trong khi lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 72,54% kế hoạch đề ra. Kết quả doanh thu xuất sắc này phần nào cho thấy sự tăng trưởng quy mô hoạt động của Công ty, còn việc lợi nhuận không đạt kế hoạch phản ánh những thách thức mà Công ty phải đối mặt trong năm qua.

Nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận

Bối cảnh kinh doanh năm 2024 có nhiều thách thức khi nền kinh tế đối mặt với lạm phát tăng cao, biến động tỷ giá và chi phí lãi vay gia tăng, cùng với sự suy giảm của thị trường bất động sản và ngành thép. Những yếu tố bất lợi này đã ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận của Công ty, khiến lợi nhuận thực tế không đạt như kỳ vọng. Các nguyên nhân chính bao gồm:

Biến động giá nguyên liệu: Giá nguyên liệu đầu vào, đặc biệt giá quặng sắt giảm sâu trong năm 2024, đã ảnh hưởng tiêu cực đến biên lợi nhuận mảng kinh doanh khoáng sản của Công ty. Khi giá bán quặng giảm, biên lợi nhuận thu được trên mỗi đơn vị sản phẩm cũng giảm theo, kéo lợi nhuận xuống thấp hơn dự tính.

Thị trường tiêu thụ suy giảm: Nhu cầu thép trong nước suy yếu trong 2024 làm giảm sản lượng tiêu thụ và doanh thu ở mảng kinh doanh liên quan (khoáng sản, vật liệu xây dựng). Thị trường bất động sản trầm lắng cũng gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong lĩnh vực vật liệu xây dựng. Sự suy giảm của các thị trường đầu ra chủ chốt khiến lợi nhuận khó đạt được mức tăng trưởng như kế hoạch.

Biến động tỷ giá ngoại tệ: Tỷ giá USD/VNĐ năm 2024 biến động mạnh đã làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên liệu như than và quặng. Đồng VNĐ mất giá so với USD đồng nghĩa Công ty phải chi nhiều tiền VNĐ hơn để mua cùng một lượng hàng hóa nhập khẩu, đẩy giá vốn hàng bán tăng và thu hẹp biên lợi nhuận. Đồng thời, biến động tỷ giá cũng tạo rủi ro trong việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, ảnh hưởng đến lợi nhuận ròng.

Những yếu tố trên giải thích vì sao dù doanh thu tăng trưởng rất mạnh, lợi nhuận sau thuế của Việt Phát chưa đạt kỳ vọng. Nói cách khác, biên lợi nhuận năm 2024 bị thu hẹp do giá hàng hóa giảm, thị trường tiêu thụ khó khăn và chi phí tài chính tăng cao. Đây là các thách thức khách quan mà Công ty phải đương đầu trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm vừa qua.

Tiến độ thực hiện các mục tiêu chiến lược năm 2024

Mặc dù gặp nhiều thách thức, trong năm 2024 Công ty đã đạt được những tiến bộ đáng kể theo đúng định hướng kế hoạch và tinh thần chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt trên các mặt: mở rộng thị trường, quản trị chi phí và đầu tư bất động sản. Các kết quả nổi bật gồm:

Mở rộng thị trường: Để đạt được mức tăng trưởng đột phá trong năm 2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (VPG) đã đồng thời triển khai hiệu quả chiến lược mở rộng thị trường trong lĩnh vực kinh doanh than nhiệt và đẩy mạnh khai thác các dự án bất động sản. Trong đó, doanh thu từ mặt hàng than nhiệt đạt 11.524 tỷ đồng, tăng trưởng 313% so với cùng kỳ năm 2023, nhờ việc đẩy mạnh nhập khẩu và cung ứng cho các khách hàng lớn. Việc ký kết thành công các hợp đồng dài hạn với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tập đoàn Dầu

khí Việt Nam (PVN) đã giúp Công ty nhanh chóng mở rộng thị phần trong lĩnh vực năng lượng và củng cố vị thế tại thị trường trong nước.

Bên cạnh đó, mảng đầu tư bất động sản cũng ghi nhận đóng góp tích cực, khi Công ty bắt đầu thu tiền từ các sản phẩm thuộc dự án nhà ở thấp tầng tại phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng. Hoạt động này không chỉ tạo thêm nguồn thu mới mà còn giúp đa dạng hóa cơ cấu doanh thu, giảm phụ thuộc vào hoạt động thương mại thuần túy. Sự kết hợp giữa hai mảng kinh doanh chủ lực – thương mại than nhiệt và bất động sản – đã tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm 2024, đồng thời mở ra dư địa phát triển bền vững cho các năm tiếp theo.



Quản trị chi phí: Công ty chú trọng các biện pháp quản trị chi phí nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Song song, Công ty tiếp tục rà soát, tối ưu hóa chi phí vận hành ở các khâu nhằm tiết kiệm chi phí. Nhìn chung, năm 2024 Công ty đã giữ ổn định được tỷ trọng chi phí quản lý, chi phí bán hàng và chi phí tài chính trong mức kiểm soát, đồng thời chủ động tăng cường nội lực tài chính nhằm sẵn sàng cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo.

Đầu tư bất động sản: Theo đúng kế hoạch đề ra, Việt Phát đã có bước tiến lớn vào lĩnh vực bất động sản trong năm 2024. Công ty đã triển khai thành công dự án 80 Hạ Lý tại Hải Phòng – một dự án khu đô thị thấp tầng trọng điểm, đánh dấu việc mở rộng sang thị trường bất động sản và tạo thêm nguồn thu ổn định trong dài hạn. Việc hiện thực hóa các dự án bất động sản không chỉ đóng góp vào doanh thu và lợi nhuận 2024 mà còn giúp đa dạng hóa lĩnh vực kinh doanh

của Công ty theo định hướng chiến lược. Đây là kết quả phù hợp với chỉ đạo và kế hoạch của Ban TGD, tạo tiền đề để Việt Phát tiếp tục phát triển mảng bất động sản trong những năm tới.

Nhìn chung, kết quả hoạt động năm 2024 của Việt Phát phản ánh sự nỗ lực và linh hoạt của Công ty trong việc thực thi chiến lược đã đề ra. Doanh thu tăng vọt nhờ mở rộng thị trường và danh mục sản phẩm, vượt mục tiêu kế hoạch đề ra, trong khi lợi nhuận tuy chưa đạt kỳ vọng nhưng đã cải thiện rõ rệt so với năm trước. Công ty đã chủ động thích ứng với biến động thị trường bằng cách phát triển thị trường mới, kiểm soát chi phí nội bộ và đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực mới, đúng như định hướng. Những tiến bộ đạt được trong năm 2024 sẽ là nền tảng để Công ty tiếp tục tăng trưởng bền vững và hoàn thành các mục tiêu kinh doanh trong năm 2025 và các năm tiếp theo.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Nâng cao kỹ năng quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực của đội ngũ lãnh đạo Công ty, triển khai triệt để áp dụng khoa học công nghệ và các phần mềm quản lý vào hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hành tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh.



Mang tới cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ với chất lượng tốt nhất và nhanh nhất. Bố trí lao động, máy móc hợp lý, sản xuất hiệu quả, đảm bảo tiến độ để kịp thời đưa ra sản phẩm đáp ứng theo yêu cầu của Công ty và nhu cầu của khách hàng.



Thiết lập môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích Người lao động học thêm nghiệp vụ tạo cơ hội cho sự phát triển của mọi thành viên của Công ty.



Xây dựng cơ chế khoán: Khoán chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, chi phí, quỹ lương của từng phòng ban bộ phận trong công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: tỷ đồng

Tài sản	31/12/2023	31/12/2024	Chênh lệch	
			Giá trị	%
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.532,12	1.628,11	95,99	6,26%
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.874,16	2.796,24	922,08	49,20%
Hàng tồn kho	2.994,46	3.357,26	362,80	12,12%
Tài sản ngắn hạn khác	60,43	41,37	(19,06)	(31,54%)
Các khoản phải thu dài hạn	0,61	0,62	0,01	1,87%
Tài sản cố định	51,58	357,94	306,35	593,88%
Tài sản dở dang dài hạn	482,47	75,93	(406,55)	(84,26%
Đầu tư tài chính dài hạn	157,50	37,48	(120,02)	(76,2%)
Tài sản dài hạn khác	1,84	20,06	18,21	987,35%
Bất động sản đầu tư	-	141,6	141,6	-

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng tài sản của Công ty đạt 8.456,88 tỷ đồng, tăng 1.943,50 tỷ đồng, tương ứng tăng trưởng 29,84% so với đầu năm.
Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn đạt 7.823,24 tỷ đồng, tăng trưởng 1.362,06 tỷ đồng, tương ứng tăng 21,08% so với đầu năm; chiếm 92,51% quy mô tổng tài sản, chủ yếu do tăng mạnh ở các chỉ tiêu:
 - + Hàng tồn kho tăng 362,08 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 12,12 %.
 - + Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 922,08 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 49.2%.
- Tài sản dài hạn của Công ty chiếm 7,49% tổng tài sản, tăng 581,44 tỷ đồng, tương đương 1.113,91% so với đầu năm, nguyên nhân do tài sản cố định tăng với tỷ lệ tương ứng 593,88%.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: tỷ đồng

Tài sản	31/12/2023	31/12/2024	Chênh lệch	
			Giá trị	%
Phải trả người bán ngắn hạn	346,52	1.946,62	1.600,1	461,75
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	823,64	158,51	(665,14)	(80,75)
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	5,02	48,18	43,15	857,99
Phải trả người lao động	3,30	4,22	0,92	27,86
Chi phí phải trả ngắn hạn	2,23	19,30	17,07	763,65
Phải trả ngắn hạn khác	2.351,24	35,05	(2.316,19)	(98,51)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.720,25	4.431,67	2.711,42	157,62
Quỹ khen thưởng phúc lợi	24,20	17,00	(7,20)	(29,74)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	386,00	176,32	(209,68)	(100)

Tính đến ngày 31/12/2024, khoản phải trả người bán ngắn hạn của Công ty đạt 1.946,62 tỷ đồng, tăng mạnh 1.600,1 tỷ đồng so với đầu năm (tăng 461,75%), phản ánh nhu cầu vốn lưu động lớn nhằm phục vụ hoạt động nhập khẩu than nhiệt và triển khai các dự án bất động sản.

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn cũng ghi nhận mức tăng đột biến, từ 1.720,25 tỷ đồng lên 4.431,67 tỷ đồng, tương ứng tăng 2.711,42 tỷ đồng (tăng 157,62%). Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc thay đổi chính sách hạch toán theo quy định mới, trong đó các khoản tài trợ thương mại theo hình thức LC UPAS – trước đây được phản ánh trong mục “Phải trả ngắn hạn khác” – nay được phân loại vào vay ngắn hạn, nhằm phản ánh đúng bản chất là khoản vay ngân hàng có kỳ hạn thanh toán.

Chính vì vậy, trong cùng kỳ, khoản “Phải trả ngắn hạn khác” giảm mạnh từ 2.351,24 tỷ đồng xuống còn 35,05 tỷ đồng (giảm 98,51%), chủ yếu do dịch chuyển số dư sang khoản mục vay ngắn hạn như đã nêu trên.

Ngoài ra, khoản “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” cũng tăng đáng kể từ 5,02 tỷ đồng lên 48,18 tỷ đồng (tăng 857,99%), nhiều khả năng phản ánh nghĩa vụ thuế phát sinh từ hoạt động kinh doanh và bất động sản trong năm 2024.

Tổng thể, cơ cấu nợ tiếp tục nghiêng về nợ ngắn hạn, trong đó nợ ngắn hạn chiếm tới 71,87% tổng nợ phải trả. Việc tái phân loại các khoản tài trợ thương mại theo quy định mới không chỉ ảnh hưởng đến cơ cấu báo cáo tài chính mà còn góp phần phản ánh minh bạch hơn bản chất nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp, tuy nhiên cũng khiến chỉ số đòn bẩy tài chính có thể cao hơn trên sổ sách, đòi hỏi sự lưu ý trong phân tích tín dụng và quản trị rủi ro tài chính.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHÍNH NĂM 2025

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	
		Giá trị	% tăng trưởng
Doanh thu hợp nhất	16.257	16.500	1,5%
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	108,82	170	56,22%



KẾ HOẠCH KINH DOANH CỤ THỂ

- 1

Đầu tư nghiên cứu, áp dụng các công nghệ mới, công nghệ chuyển đổi số nhằm mục đích tối ưu chi phí, gia tăng lợi nhuận cho hoạt động SXKD.
- *

*
- 2

Huy động tối đa các nguồn vốn, có kế hoạch sử dụng vốn một cách linh hoạt, chủ động, hiệu quả.
- *

*
- 3

Thường xuyên theo dõi, cập nhật, kịp thời nắm bắt tình hình biến động của thị trường Việt Nam cũng như thế giới để không bị tụt hậu và tạo lợi thế cạnh tranh đối với các doanh nghiệp khác.
- *

*
- 4

Xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, đẩy mạnh công tác tiếp thị, môi giới bất động sản để phục vụ cho các dự án của Công ty trong tương lai.
- *

*
- 5

Tăng cường tìm kiếm, phát triển thêm các dự án mới, bước đầu tiếp cận, phát triển nghiên cứu các lĩnh vực khác (điện, nước sạch, quản lý vận hành, ...)
- *

*
- 6

Đẩy mạnh công tác truyền thông, xây dựng thương hiệu Việt Phát Group trở thành thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư BDS – Thương mại – Xuất nhập khẩu trong mắt khách hàng.
- *

*
- 7

Phấn đấu hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu mặt hàng.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Chiến lược kinh doanh

Chính sách nghiên cứu và phát triển bao gồm nguyên tắc chỉ đạo, quy tắc, phương pháp, thủ tục được thiết lập gắn với hoạt động nghiên cứu và phát triển nhằm hỗ trợ và thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu, đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Đầu tư cho nghiên cứu phát triển, tiên phong trong công nghệ và không ngừng cải tiến sản xuất kinh doanh được coi là yếu tố tạo lợi thế cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp. Do vậy Công ty luôn dành những nguồn lực tốt nhất, sẵn sàng cho công tác nghiên cứu phát triển, cải tiến sản xuất. Công ty không ngừng đầu tư, nghiên cứu phát triển mở rộng hoạt động kinh doanh. Công ty đã và đang tiến hành triển khai nghiên cứu phát triển các hạng mục sau:

- Nghiên cứu chính sách về ngành thép của các thị trường thế giới đặc biệt là thị trường Trung Quốc để cập nhật và nắm bắt kịp thời tình hình biến động.
- Nghiên cứu thị trường vận tải biển quốc tế để nắm bắt và chủ động việc vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Nghiên cứu mở rộng các loại nguyên liệu khác cung cấp vào các nhà máy luyện thép.
- Nghiên cứu các lĩnh vực năng lượng có xu hướng phát triển trong tương lai như nhiệt điện, điện gió, điện mặt trời,...

Chiến lược về quản trị

- Nâng cao kỹ năng quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực của đội ngũ lãnh đạo Công ty, triển khai áp dụng khoa học công nghệ và các phần mềm quản lý vào hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hành tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh;
 - Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, quản lý nhân sự theo tiêu chuẩn ISO;
 - Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người lao động trong Công ty;
 - Thiết lập môi trường làm việc tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, tạo cơ hội cho sự phát triển của mọi thành viên của Công ty;
 - Bố trí và luân chuyển lao động hợp lý, sản xuất hiệu quả,
- đảm bảo tiến độ để kịp thời đưa ra các sản phẩm, dịch vụ với chất lượng tốt nhất và nhanh nhất đáp ứng cho nhu cầu của khách hàng;
- Cử thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong Công ty tham gia các lớp đào tạo về quản trị Công ty;
 - Công ty luôn gắn liền sự tăng trưởng, phát triển của doanh nghiệp với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Trong đó, mục tiêu phát triển doanh nghiệp là mục tiêu quan trọng nhất, thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường. Việc kết hợp phát triển doanh nghiệp gắn trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới hoạt động trong hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của Công ty.

Chiến lược về quản trị

- Huy động tối đa các nguồn vốn vay ngân hàng, vốn góp từ các cổ đông; sử dụng linh hoạt, hiệu quả các nguồn vốn này để phục vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư.
- Lập các kế hoạch tài chính chủ động, tính toán vòng quay vốn chính xác, thúc đẩy nâng cao hệ số sử dụng vốn và hệ số đòn bẩy tài chính.
- Xây dựng hệ thống nhân sự khoa học, tư duy nhạy bén, thích nghi tốt với tình hình thị trường với nhiều biến động, phán đoán các nguy cơ rủi ro tiềm ẩn để hoàn toàn chủ động và có các kế hoạch, định hướng chiến lược con người phù hợp.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có.

ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ VỀ
HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY



Đánh giá của Hội đồng
quản trị về các mặt hoạt
động của Công ty

62

Đánh giá của Hội đồng
quản trị về hoạt động của
Ban Giám đốc công ty

62

Các kế hoạch, định hướng
của Hội đồng quản trị

63



➤ 1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty đề ra. Doanh thu thuần năm 2024 đạt 16.257,2 tỷ, tăng 156,51% so với thực hiện năm 2023 và hoàn thành 154,83% kế hoạch năm 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 108,81 tỷ, tăng 461,45% so với năm 2023 và bằng 72,54% so với kế hoạch năm 2024.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Thu nhập bình quân của Người lao động năm 2024 là 13,5 triệu đồng/tháng, tăng 1 triệu đồng (tương ứng 8%) so với năm 2023.

ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2024, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Năm 2024, Công ty luôn chăm lo đời sống cho Người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thưởng các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết Người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

➤ 2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

NHỮNG VIỆC ĐÃ LÀM ĐƯỢC

- Đã triển khai và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua. Đồng thời chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể;
- Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Mặc dù tình hình kinh tế, xã hội năm 2024 có nhiều biến động nhanh, phức tạp, Ban Tổng Giám đốc đã có nỗ lực to lớn trong việc cố gắng thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao trong năm 2024, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, điều lệ, các quy chế hoạt động của Công ty. Ban Tổng giám đốc đã làm tốt công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công ăn việc làm, đảm bảo an toàn sức khỏe cho cán bộ công nhân viên.

NHỮNG HẠN CHẾ CẦN KHẮC PHỤC

- Ban Tổng Giám đốc cần theo dõi sát sao thị trường và đưa ra những quyết định kinh doanh đảm bảo hiệu quả để đạt được những kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được giao;
- Ban Tổng Giám đốc cần làm tốt hơn trong công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ kế cận.

➤ 3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ

Với những thuận lợi và khó khăn mà Công ty phải đối mặt trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã có những chỉ đạo nhằm cố gắng hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

1

Tiếp tục đầu tư xây dựng Cảng thủy nội địa, kho bãi kinh doanh Logistics và chế biến than, quặng tại Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương.

2

Thực hiện bàn giao Dự án 80 Hạ Lý cho người mua nhà

3

Tìm kiếm phát triển các khách hàng mới sử dụng than nhiệt như các nhà máy hóa chất, nhà máy xi măng,...

4

Chăm sóc tốt các khách hàng đầu ra: Công ty CP thép Hòa Phát, Công ty CP Tập đoàn PC1, Công ty CP Gang thép Tuyên Quang, Công ty TNHH Vinh Thịnh Tuyên Quang, Công ty Cổ phần Thép Toàn Thắng, Công ty CP Gang thép Thái Nguyên (TISCO), Công ty CP Luyện kim đen Thái Nguyên, Công ty CP Tập đoàn hóa chất Đức Giang,...

5

Tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ với các nhà máy nhiệt điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam (TKV),...

6

Chủ động giữ quan hệ mật thiết với các đối tác truyền thống trong và ngoài nước để nhập khẩu than, quặng từ các nước: Nhật Bản, Indonesia, Nam Phi, Úc, Trung Quốc, Lào, Campuchia...

ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN TỔ CHỨC NHÂN SỰ

- Nâng cao kỹ năng quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực của đội ngũ lãnh đạo Công ty, triển khai triệt để áp dụng khoa học công nghệ và các phần mềm quản lý vào hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hành tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, quản lý nhân sự theo tiêu chuẩn ISO.
- Thiết lập môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích Người lao động học thêm nghiệp vụ tạo cơ hội cho sự phát triển của mọi thành viên của Công ty.

CHƯƠNG 06

QUẢN TRỊ CÔNG TY



Hội đồng quản trị

66

Ủy ban kiểm toán

73

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ủy ban kiểm toán

74



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ là 05 năm do ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra. Danh sách HĐQT bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số cổ phiếu VPG nắm giữ (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	19/04/2022	22.800.880	25,79
2	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	19/04/2022	2.977.157	3,37
3	Bà Lê Thị Thanh Lệ	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	19/04/2022	4.002.075	4,53
4	Ông Nguyễn Khôi	Thành viên HĐQT độc lập	19/04/2022	-	-
5	Ông Lê Đình Điều	Thành viên HĐQT độc lập	19/04/2022	110.811	0,13

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tiến hành các cuộc họp định kỳ và đột xuất để tập trung giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Các quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo thực hiện đúng trình tự theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị. Sau mỗi cuộc họp, Hội đồng quản trị đều có Nghị quyết, các Nghị quyết này đều sẽ được công bố theo đúng quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tình hình tham dự họp của Thành viên HĐQT năm 2024

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	18	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT kiêm TGD	18	100%	
3	Bà Lê Thị Thanh Lệ	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	18	100%	
4	Ông Nguyễn Khôi	TV HĐQT độc lập	18	100%	
5	Ông Lê Đình Điều	TV HĐQT độc lập	18	100%	

CÁC QUYẾT ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung và kết quả	Tỷ lệ thông qua
1	01/2024/NQ-HĐQT	20/02/2024	Thông qua ngày tổ chức và chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, cụ thể: - Ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024: 25/03/2024. - Ngày tổ chức họp: 24/04/2024. - Địa điểm tổ chức họp: Địa điểm cụ thể sẽ được thông báo đến Quý cổ đông trong Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.	100%
2	02/2024/NQ-HĐQT	28/03/2024	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024, cụ thể như sau: - Doanh thu: 10.500 tỷ đồng - Lợi nhuận sau thuế: 150 tỷ đồng Thông qua chương trình và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, cụ thể như sau: - Thời gian họp: 08h00, ngày 24/04/2024 (Thứ 4). - Địa điểm tổ chức họp: Trung tâm Hội nghị Thành phố Hải Phòng, Số 18 Hoàng Diệu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.	100%
3	03/2024/NQ-HĐQT	20/05/2024	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023 theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.	100%
4	04/2024/NQ-HĐQT	29/05/2024	Thông qua việc nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lê Chân, cụ thể như sau: - Thông qua nhận cấp tín dụng (theo một hoặc nhiều hoặc đồng thời các hình thức cấp tín dụng: cho vay, bảo lãnh, phát hành thư tín dụng, chiết khấu, bao thanh toán,...) tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lê Chân với số tiền tối đa là 2.890.000.000.000 VND (Hai nghìn tám trăm chín mươi tỷ đồng chẵn./.). - Thông qua việc sử dụng các tài sản của Công ty, của bên thứ ba (nếu có) hiện đang thế chấp/cầm cố hoặc sẽ thế chấp/cầm cố trong tương lai để đảm bảo cho các nghĩa vụ trả nợ của Công ty đối với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lê Chân phát sinh từ các giao dịch cấp tín dụng nêu trên và các giao dịch khác giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lê Chân.	100%
5	04/2024/NQ-HĐQT	29/05/2024	Thông qua việc ký kết hợp đồng bán than nhiệt giữa Liên danh Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát, Pine Energy Pte. Ltd và Tổng Công ty Phát điện 1. Giá trị hợp đồng tạm tính: 206.535.000.000 VND + 123.885.000 USD Thời hạn thực hiện hợp đồng: 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.	100%

13	14/2024/NQ-HĐQT	22/07/2024	Thông qua nội dung các văn bản sau đây trình Đại hội đồng cổ đông lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cụ thể: - Thông báo lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; - Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; - Tờ trình số 07/2024/TTr-HĐQT ngày 22/07/2024 về việc thông qua Quy chế tổ chức, thực hiện và kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; - Tờ trình số 08/2024/TTr-HĐQT ngày 22/07/2024 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty và sửa đổi Điều lệ; - Dự thảo Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; - Và các mẫu biểu, văn bản khác. Thông qua danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản như sau: Căn cứ Danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát tại ngày đăng ký cuối cùng 12/07/2024 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp. - Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành: 84.207.071 cổ phần. - Tổng số cổ đông: 6.675 cổ đông (trong đó có 6.646 cổ đông cá nhân, 29 cổ đông tổ chức).	100%
14	15/2024/NQ-HĐQT	23/07/2024	Thông qua việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ, cụ thể: - Vốn điều lệ đã đăng ký: 842.070.710.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm bốn mươi hai tỷ không trăm bảy mươi triệu bảy trăm mười nghìn đồng). - Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 84.207.071 cổ phiếu - Vốn điều lệ sau khi thay đổi: 884.157.510.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm tám mươi tư tỷ một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm mười nghìn đồng). - Tổng số cổ phiếu sau khi thay đổi: 88.415.751 cổ phiếu - Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 4.208.680 cổ phiếu đã được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận theo Công văn số 4385/UBCK-QLCB ngày 15/07/2024. - Hình thức tăng vốn: Trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu - Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu Thông qua sửa đổi khoản 1, Điều 6 Điều lệ Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát.	100%
15	16/2024/NQ-HĐQT	26/08/2024	Chấp thuận nhận cấp tín dụng từ VPBank/Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng với VPBank theo các nội dung chi tiết sau: Hình thức nhận cấp tín dụng: Cho vay, Cấp bảo lãnh, Phát hành L/C Số tiền nhận cấp tín dụng: 600.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng) hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn nhận cấp tín dụng: 15 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Mục đích vay vốn/nhận cấp tín dụng: Tài trợ vốn lưu động (bao gồm cho vay, phát hành bảo lãnh, L/C) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh than các loại, quặng sắt, quặng vôi và các sản phẩm sắt thép, dịch vụ vận tải. Chấp thuận sử dụng tài sản thuộc sở hữu của Công ty và/hoặc Bên thứ ba để thế chấp/cầm cố bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty tại VPBank.	100%

16	17/2024/NQ-HĐQT	05/09/2024	Thông qua việc ký kết hợp đồng mua bán than nhiệt giữa Liên danh Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát, Pine Energy Pte. Ltd và Chi nhánh Phát điện Dầu khí. Giá trị hợp đồng tạm tính: 6.600 tỷ đồng. Thời hạn thực hiện hợp đồng: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	100%
17	18/2024/NQ-HĐQT	16/09/2024	Thông qua việc ký kết các hợp đồng mua than nhiệt giữa Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát và Pine Energy Pte. Ltd. Tổng giá trị tạm tính của các hợp đồng: 4.600.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn nghìn sáu trăm tỷ đồng). Thời hạn thực hiện dự kiến của các hợp đồng: từ ngày ký hợp đồng đến tháng 08/2025.	100%
18	19/2024/NQ-HĐQT	17/09/2024	Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C của Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Nội (sau đây gọi là “Ngân hàng” hoặc “BIDV Hà Nội”) để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau: - Tổng giới hạn tín dụng tối đa là 4.250.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn nghìn hai trăm năm mươi tỷ đồng chẵn) gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, trong đó giới hạn cho vay ngắn hạn, mở L/C là 3.230.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba nghìn hai trăm ba mươi tỷ đồng chẵn); giới hạn bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) là 1.020.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn, không trăm hai mươi tỷ đồng chẵn). - Mục đích: bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ cung cấp than vận hành thương mại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 năm 2024 – 2025 theo Hợp đồng 1556/2024/PVPGB/SHITPP-VPG-PINE ngày 06/09/2024 ký giữa Chi nhánh phát điện dầu khí - Tập đoàn dầu khí Việt Nam và Liên danh Công ty CP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát - Pine Energy Pte. Ltd. - Thời hạn hạn mức: theo thời hạn của Hợp đồng số 1556/2024/PVPGB/SHITPP-VPG-PINE ngày 06/09/2024 ký giữa Chi nhánh phát điện dầu khí - Tập đoàn dầu khí Việt Nam và Liên danh Công ty CP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát - Pine Energy Pte. Ltd. nhưng không quá 31/12/2025. - Lãi suất vay, phí và điều kiện vay vốn: theo quy định của Ngân hàng và thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký giữa Công ty và BIDV Hà Nội.	100%
19	20/2024/NQ-HĐQT	25/10/2024	Chấp thuận việc thu hồi phần vốn góp tại Công ty CP Xây dựng Bất động sản Việt Phát do Công ty CP Xây dựng Bất động sản Việt Phát thay đổi Vốn điều lệ. - Số cổ phần trước khi thu hồi vốn góp: 14.775.000 cổ phần, giá trị: 147.750.000.000 VNĐ, tỷ lệ sở hữu: 7,44% - Số cổ phần sau khi thu hồi vốn góp: 3.348.000 cổ phần, giá trị: 33.480.000.000 VNĐ, tỷ lệ sở hữu: 7,44% - Số tiền vốn góp thu hồi: 114.270.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm mười bốn tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng) - Thời gian thu hồi vốn góp dự kiến: quý IV năm 2024.	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP.
HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT độc lập được phân công thực hiện nhiệm vụ về quản trị rủi ro, lương thưởng, nhân sự và kiểm toán nội bộ. Các thành viên đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, phản biện các đề xuất định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh; theo dõi hoạt động và lập báo cáo hàng tháng về hoạt động của HĐQT, kết quả giám sát Ban Tổng Giám đốc gửi các thành viên HĐQT theo Điều lệ của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đánh giá các hoạt động của HĐQT trong năm 2024 minh bạch, thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, điều lệ và quy chế nội bộ quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban mà phân công cho các thành viên HĐQT phụ trách từng mảng công việc như: Nhân sự, lương thưởng, đầu tư, pháp chế... Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia trực tiếp vào một số Hội đồng của Công ty như: Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng kỷ luật,... Thành viên HĐQT thường xuyên có những ý kiến chỉ đạo để hội đồng xác định tiêu chuẩn và lựa chọn những người phù hợp để bổ nhiệm làm cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM

Không có



ỦY BAN KIỂM TOÁN

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên UBKT	Số cổ phiếu VPG nắm giữ (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Nguyễn Khôi	Chủ tịch UBKT	19/04/2022	0	0
2	Ông Lê Đình Điều	Thành viên UBKT	19/04/2022	110.811	0,13%
3	Bà Ngô Thị Minh Lụa	Thành viên UBKT	19/04/2022	256.443	0,29%

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

STT	Thành viên UBKT	Chức vụ	Số buổi họp UBKT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Khôi	Chủ tịch UBKT	02	100%	100%	
2	Ông Lê Đình Điều	Thành viên UBKT	02	100%	100%	
3	Bà Ngô Thị Minh Lụa	Thành viên UBKT	02	100%	100%	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Ủy ban kiểm toán thực hiện giám sát thông qua:

- + Trực tiếp theo dõi hoạt động của Hội đồng quản trị thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- + Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của Hội đồng quản trị cũng như cơ chế phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.
- + Tiếp xúc với Tổng giám đốc, Giám đốc kinh doanh để nắm được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.
- + Giám sát thông qua báo cáo của Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính, Trưởng phòng kinh doanh.
- + Giám sát hoạt động kinh doanh thông qua báo cáo của kiểm toán nội bộ
- + Ủy ban kiểm toán đã kiểm tra Báo cáo tài chính các quý năm 2024, Báo cáo tài chính đã được soát xét giữa niên độ và kiểm toán năm, kiểm tra hệ thống sổ sách kế toán năm 2024 của Công ty, đảm bảo các báo cáo phản ánh trung thực tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty tại thời điểm báo cáo. Kiểm soát việc công bố thông tin của Công ty theo quy định thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Ủy ban kiểm toán luôn phối hợp tốt với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý liên quan trong phạm vi thực hiện chức năng giám sát của Ủy ban. Ban Tổng Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng kịp thời các yêu cầu về thông tin phục vụ yêu cầu giám sát của Ủy ban kiểm toán. Ủy ban kiểm toán báo cáo định kỳ kết quả giám sát lên Hội đồng quản trị.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao năm 2024	Lương & Thường năm 2024	Tổng thu nhập năm 2024
1	Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	360.000.000	677.500.000	1.037.500.000
2	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT kiêm TGD	120.000.000	790.954.428	910.954.428
3	Bà Lê Thị Thanh Lệ	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	120.000.000	457.360.000	577.360.000
4	Ông Nguyễn Khôi	Thành viên HĐQT độc lập	180.000.000	-	180.000.000
5	Ông Lê Đình Điều	Thành viên HĐQT độc lập	180.000.000	-	180.000.000
6	Bà Ngô Thị Minh Lụa	Thành viên UBKT			
7	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Kế toán trưởng			

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm cổ phiếu
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	21.715.125	25,79	22.800.880	25,79	Trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu
2	Ông Nguyễn Văn Đức	TV HĐQT-TGD	2.835.388	3,37	2.977.157	3,37	Trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu
3	Bà Lê Thị Thanh Lệ	Thành viên HĐQT, PTGD, UQCBTT	3.811.500	4,53	4.002.075	4,53	Trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm cổ phiếu
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
4	Bà Nguyễn Thị Cúc	Em gái Chủ tịch HĐQT	751	0,001	788	0,001	Trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu
5	Ông Nguyễn Văn Bảo	Em trai TV HĐQT	939	0,001	985	0,001	Trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu
6	Bà Bùi Thị Chiên	Em dâu TVHĐQT	373	0,0004	391	0,0004	Trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu
7	Ông Lê Đình Điều	Thành viên HĐQT độc lập	105.535	0,13	110.811	0,13	Trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu
8	Ông Lê Danh Phương	Con trai TV HĐQT	1.732	0,002	1.818	0,002	Trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu
9	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Kế toán trưởng	2.820	0,003	2.961	0,003	Trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu
10	Bà Ngô Thị Minh Lụa	TV Ủy ban Kiểm toán	244.232	0,29	256.443	0,29	Trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu
11	Ông Ngô Thế Quang	Em trai TV UBKT	2	0,00	2	0,00	
12	Ông Bạch Anh Cường	Chồng TV UBKT	96	0,00	100	0,0001	Trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Không phát sinh

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm, tất cả các bộ phận đều thực hiện tốt công tác quản trị Công ty theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

- Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị là 2 người/tổng số 5 thành viên HĐQT đảm bảo đúng theo quy định. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.

- Cung cấp và công bố thông tin về tài liệu đại hội cổ đông, nghị quyết và biên bản đại hội cổ đông, nghị quyết HĐQT và các báo cáo định kỳ đúng hạn. Không bị Ủy ban chứng khoán, Sở Giao dịch chứng khoán nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc công bố thông tin.

CHƯƠNG

07

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Trách nhiệm với môi trường

79

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

80





GIỚI THIỆU VỀ BÁO CÁO



Báo cáo phát triển bền vững 2024 của Công ty cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Việt Phát được ghép chung trong Báo cáo thường niên 2024 để tránh trùng lặp thông tin, mang lại thông tin chất lượng với nội dung ngắn gọn, súc tích cho cổ đông và các bên có Giới thiệu về báo cáo liên quan. Mục đích của Báo cáo phát triển bền vững nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty, các chính sách liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG

Nhận thức vai trò của môi trường đối với hoạt động sản xuất và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, VPG nỗ lực triển khai các giải pháp sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, nghiên cứu tiềm năng của nguồn năng lượng tái tạo để đầu tư, đồng thời giảm thiểu tác động xấu tới môi trường. Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt cũng như thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường. Vì vậy, Công ty chưa từng bị xử phạt trong các vấn đề đối với môi trường.

Vì một mục tiêu chung bảo vệ môi trường toàn cầu VPG liên tục đưa ra các chính sách nhằm duy trì hoạt động đánh giá nguồn nước sử dụng, tác động của nước thải chất thải đến môi trường qua việc kiểm soát đầu vào (nước) và đầu ra (phát thải từ hoạt động vận hành của khối văn phòng và đặc biệt là của khối sản xuất công nghiệp. Các loại chất thải, rác thải có khả năng gây hại đến môi trường được VPG tích cực xử lý.

- Tái sử dụng nước cho các hoạt động khác của công ty, nhà máy.
- Không sử dụng nước bồn cầu vào những mục đích khác.
- Sử dụng hệ thống nhà vệ sinh tiết kiệm nước (vòi xả tự ngắt, bồn xả tự động, ...)
- Thường xuyên có những hoạt động kiểm tra nước rò rỉ và có những biện pháp xử lý kịp thời.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp ở mức an toàn với môi trường.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: trồng bao phủ cây xanh.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG



Tiêu thụ dầu

Lượng dầu tiêu thụ:
Là một doanh nghiệp trong ngành kinh doanh chế biến khoáng sản, vận tải kho bãi, dầu là năng lượng mà Công ty tiêu thụ chính trong quá trình sản xuất kinh doanh, bao gồm 2 loại chính là:

- Dầu Diesel: Dùng để chạy các phương tiện vận tải, chạy các máy móc, trang thiết bị tại nhà máy Hải Dương.
- Dầu máy: Dùng cho các động cơ máy móc tại kho bãi nhà máy.

Trong 2024, lượng dầu tiêu thụ cụ thể của Công ty như sau:

Loại	Khối lượng (Lít)	Thành tiền (đồng)	Nguồn cung cấp
DO 0.05S-1-II	22.200	386.280.000	Công ty TNHH MTV Vật tư Xăng dầu Hải Hà
Xăng Ron 95	40.800	791.520.000	Công ty TNHH Thương Mại Trường Thịnh

Xử lý dầu: Đối với dầu máy, Công ty đã ký hợp đồng với các đơn vị để tiến hành thu mua sau khi sử dụng.



Tiêu thụ điện năng lượng

Lượng điện tiêu thụ
Điện năng được Công ty sử dụng chủ yếu cho mục đích vận hành máy móc tại nhà máy, chiếu sáng tại các kho bãi nhà máy và sử dụng trong công việc của bộ phận hành chính – văn phòng tại Hải Phòng.

Khối lượng (kWh)	Thành tiền (đồng)	Nguồn cung cấp
30.307	257.877.371	Công Ty CP Dịch Vụ Cảng HP
221.200	812.600.000	Công Ty Điện Lực Hoàn Kiếm



Tiết kiệm điện

Công ty đã tiến hành thực hiện một chương trình tiết kiệm điện: tuyên truyền nâng cao ý thức người lao động trong việc sử dụng điện và tiến hành thay mới một số bóng đèn tiết kiệm điện.
Trong thời gian tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc giảm thiểu tiêu thụ điện năng bằng cách rà soát lại các máy móc, trang thiết bị điện để tiến hành thay mới nếu cần thiết.

TIÊU THỤ NƯỚC

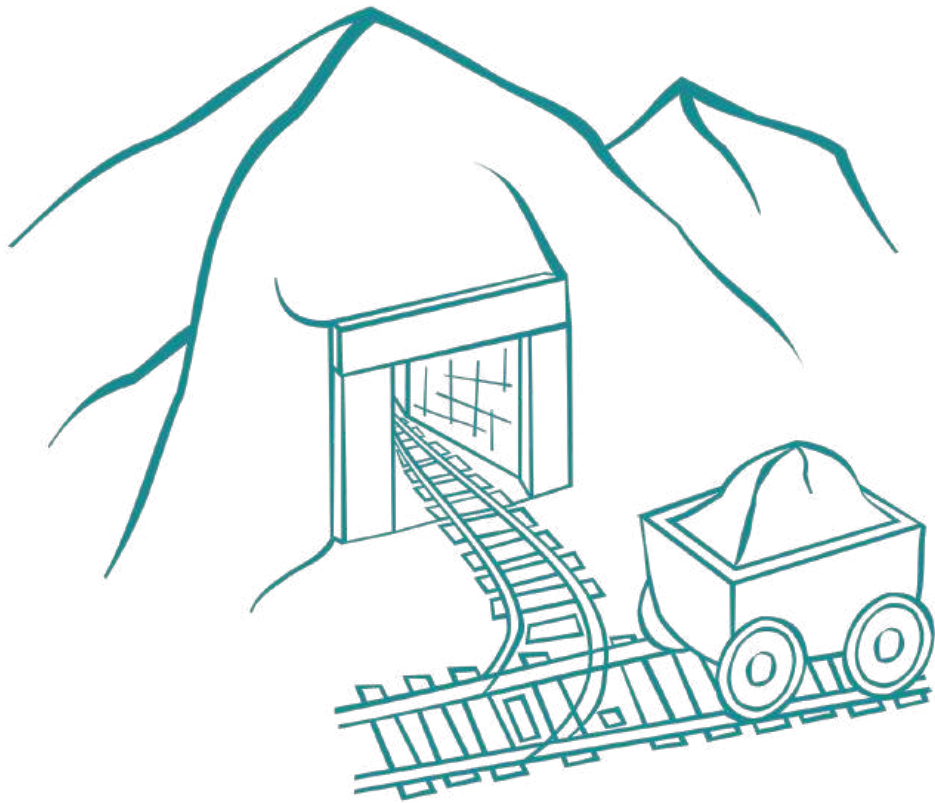
- Lượng nước tiêu thụ:
- Mục đích sử dụng: Do đặc thù của ngành kinh doanh nên Công ty chỉ sử dụng nước sạch vào mục đích sinh hoạt. Công ty dùng nước sông để rửa quặng.
 - Nguồn nước sử dụng: là nước máy được cung cấp bởi đơn vị nước sạch trên địa bàn tỉnh Hải Dương.
 - Lượng nước tiêu thụ trong năm 2024 của Công ty như sau:

Khối lượng (m3)	Thành tiền – (đồng)	Nguồn cung cấp
1.200	40.020.000	Công ty Nước sạch số 3 Hà Nội

Tái chế, xử lý nước thải: Công ty không trực tiếp tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải. Tuy nhiên, Công ty luôn đảm bảo nguồn nước sau khi sử dụng được thu gom và xả thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt cũng như thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường. Vì vậy, trong suốt quá trình hoạt động, Công ty chưa từng bị nhắc nhở, xử phạt trong các vấn đề đối với môi trường.
- Công ty lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.
- Hàng năm thuê trung tâm quan trắc môi trường tỉnh Hải Dương làm báo cáo và quan trắc thường xuyên 3 tháng/lần.
- Toàn bộ xung quanh nhà máy có hệ thống mương, rãnh thoát nước, thu gom nước mặt và kết nối với hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp.
- Nhà máy có hồ chứa nước thải và hệ thống hồ lắng xử lý nước thải cơ học.
- Xung quanh nhà máy được trồng cây xanh tạo quang cảnh và giảm thiểu bụi.
- Thường xuyên tưới đường vận chuyển nội khu và phun nước xử lý bụi trong sản xuất.
- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cho CBCNV Công ty, nhất là bộ phận trực tiếp sản xuất.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

TẬP HUẤN CHO ĐỘI NGŨ CÔNG NHÂN

Thường xuyên tập huấn cho đội ngũ công nhân trực tiếp sản xuất nội quy của doanh nghiệp, quy định về an toàn lao động, kiến thức cơ bản về chất lượng sản phẩm, quy trình quy phạm sản xuất thông qua hình thức đào tạo tại chỗ, kèm cặp trong quá trình sản xuất, các điển hình tiên tiến,... hoặc tại các trường công nhân kỹ thuật. Xây dựng cơ chế cho phép thuê các chuyên gia kỹ thuật, các chuyên gia thiết kế bên ngoài nhằm giải quyết các khó khăn trong việc thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, am hiểu kỹ thuật, công nghệ, thị trường, thị hiếu của thị trường nước ngoài hoặc trong điều hành các dự án mới.

Đặc biệt, trong năm 2024 Công ty có thêm những chính sách khác nhằm khích lệ, tăng thêm động lực và sự gắn kết của người lao động với công ty.



CHĂM LO ĐỜI SỐNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm 2024, Công ty luôn chăm lo đời sống cho Người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thưởng các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết Người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.



HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ

Đối với người lao động mới và chưa thành thạo sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo nghề. Đối với cán bộ công nhân viên, Công ty hỗ trợ 100% tiền lương, tiền học phí đào tạo đối với cán bộ được cử đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ lao động là cán bộ quản lý và công nhân trực tiếp sản xuất là nhiệm vụ rất quan trọng của mọi doanh nghiệp. Ngoài ra, đội ngũ cán bộ quản lý của doanh nghiệp cũng cần được cập nhật kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế thông qua các khóa tập huấn.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Bên cạnh việc thực hiện nghiêm túc các yêu cầu pháp luật và tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát luôn đề cao vai trò của doanh nghiệp trong việc đồng hành cùng cộng đồng. Công ty không ngừng đẩy mạnh các chương trình nhân đạo, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội với cộng đồng và đất nước, với mong muốn góp phần mang lại một cuộc sống chất lượng hơn, an toàn hơn và hạnh phúc hơn cho người dân.

Trong năm 2024, Công ty đã tích cực tham gia nhiều hoạt động cộng đồng có ý nghĩa, tiêu biểu như:

- Trao tặng 500 triệu đồng thông qua Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để hỗ trợ các địa phương và người dân vùng bị ảnh hưởng bởi bão lũ tại miền Bắc.
- Tham gia các chương trình thiện nguyện tại địa phương như ủng hộ học sinh nghèo vượt khó, hỗ trợ các hộ gia đình chính sách, tổ chức Tết cho người nghèo, phối hợp với các tổ chức đoàn thể và chính quyền địa phương.

Các chương trình thiện nguyện của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát:

- Ủng hộ TƯ Mặt trận tổ quốc Việt Nam 500 triệu
- Ủng hộ TƯ Mặt trận tổ quốc Việt Nam Hải Phòng 500 triệu (Quyên góp ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bão số 3 Yagi)
- Tặng quà các gia đình chính sách Xã Tam Kỳ Kim thành Hải Dương nhân ngày 27/7 và Tết Nguyên Đán là 122 triệu đồng
- Xây dựng lớp học tại điểm trường Trung Bắc - Trường Tiểu học, Xã Huy Giáp, Huyện Bảo Lạc, Cao Bằng, trị giá 328 triệu/ Đồng thời tặng 10 bộ máy tính trị giá 85 triệu.



CHƯƠNG

08

BÁO CÁO TÀI
CHÍNH NĂM 2024
ĐÃ KIỂM TOÁN



Báo cáo của ban Tổng Giám đốc

89

Báo cáo kiểm toán độc lập

91

Bảng cân đối kế toán

93

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

96

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

97

Thuyết minh báo cáo tài chính

99



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Lê	Thành viên
Ông Nguyễn Khôi	Thành viên
Ông Lê Đình Điều	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thanh Lê	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 05/2025/GUQ-VPJSC
ngày 02 tháng 01 năm 2025

Ngày 30 tháng 3 năm 2025



Deloitte.



Công ty TNHH Kiểm toán
Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : +84 24 7105 0000
Fax : +84 24 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 0968 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

- Các cổ đông
- Hội đồng Quản trị
- Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Hoàng Lan Hương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0898-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2025
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Trà Giang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3816-2021-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.823.243.767.471	6.461.181.812.393
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.628.109.095.706	1.532.123.314.213
1. Tiền	111		1.470.024.573.912	528.869.365.954
2. Các khoản tương đương tiền	112		158.084.521.794	1.003.253.948.259
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	260.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		260.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.796.243.273.963	1.874.163.480.857
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.784.762.702.894	360.645.842.513
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	857.360.315.771	1.353.103.083.751
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	206.002.656.675	201.769.627.534
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(51.882.401.377)	(41.355.072.941)
IV. Hàng tồn kho	140	10	3.357.257.906.998	2.994.462.737.846
1. Hàng tồn kho	141		3.357.257.906.998	2.994.462.737.846
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.373.490.804	60.432.279.477
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	15.636.614.159	5.425.463.561
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24.316.630.074	52.727.949.067
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	1.420.246.571	2.278.866.849

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		633.632.585.512	694.266.663.125
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		623.946.481	612.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	623.946.481	612.500.000
II. Tài sản cố định	220		357.936.667.817	51.584.984.008
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	24.899.587.802	15.755.484.008
- Nguyên giá	222		70.398.227.185	57.735.949.773
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.498.639.383)	(41.980.465.765)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	333.037.080.015	35.829.500.000
- Nguyên giá	228		333.037.080.015	35.829.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	15	141.607.075.994	-
- Nguyên giá	231		142.860.938.136	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.253.862.142)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		75.927.957.797	482.474.613.491
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	75.927.957.797	482.474.613.491
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	37.480.000.000	157.750.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.480.000.000	147.750.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		4.000.000.000	10.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		20.056.937.423	1.844.565.626
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	7.312.368.949	1.681.829.005
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	12.744.568.474	162.736.621
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		8.456.876.352.983	7.155.448.475.518

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.855.070.443.822	5.662.459.058.852
I. Nợ ngắn hạn	310		6.668.516.443.822	5.276.454.773.807
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	1.946.627.726.592	346.527.881.767
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	158.513.427.650	823.649.649.903
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	48.180.572.931	5.029.331.844
4. Phải trả người lao động	314		4.228.852.247	3.307.353.724
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	19.308.868.227	2.235.732.325
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.920.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	35.058.989.502	2.351.244.573.125
8. Vay ngắn hạn	320	22	4.431.670.936.929	1.720.253.561.945
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	17.007.069.744	24.206.689.174
II. Nợ dài hạn	330		186.554.000.000	386.004.285.045
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		10.230.000.000	-
2. Vay dài hạn	338	24	176.324.000.000	386.004.285.045
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.601.805.909.161	1.492.989.416.666
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	1.601.805.909.161	1.492.989.416.666
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		884.157.510.000	842.070.710.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		884.157.510.000	842.070.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		237.848.870.000	237.848.870.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.318.145.144	27.318.145.144
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		412.517.446.090	355.835.692.943
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		313.748.892.943	336.374.668.426
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		98.768.553.147	19.461.024.517
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		39.963.937.927	29.915.998.579
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		8.456.876.352.983	7.155.448.475.518

Hoàng Thị Hưng
Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	16.257.201.869.354	6.337.724.617.506
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		16.257.201.869.354	6.337.724.617.506
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	15.620.042.505.397	5.951.401.135.210
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		637.159.363.957	386.323.482.296
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	166.312.112.087	72.662.579.433
6. Chi phí tài chính	22	32	313.484.310.618	251.167.428.662
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		206.860.992.907	114.386.005.190
7. Chi phí bán hàng	25	33	238.279.394.933	105.977.737.611
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	105.871.520.318	71.642.481.492
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		145.836.250.175	30.198.413.964
10. Thu nhập khác	31	34	10.827.373.476	10.502.275.102
11. Chi phí khác	32	35	17.523.536.837	13.515.356.528
12. Lãi khác (40=31-32)	40		(6.696.163.361)	(3.013.081.426)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		139.140.086.814	27.185.332.538
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	42.905.426.172	7.956.042.354
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36	(12.581.831.853)	(152.019.686)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		108.816.492.495	19.381.309.870
16.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		98.768.553.147	19.461.024.517
16.2. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		10.047.939.348	(79.714.647)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37		220

Hoàng Thị Hưng
Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	139.140.086.814	27.185.332.538
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.499.935.760	5.669.792.470
Các khoản dự phòng	03	10.527.328.436	6.230.208.549
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	582.604.554	3.255.084.171
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(10.074.511.024)	(37.402.997.325)
Chi phí lãi vay	06	206.860.992.907	114.386.005.190
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	353.536.437.447	119.323.425.593
(Tăng) các khoản phải thu	09	(927.312.865.369)	(42.788.028.546)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(380.669.405.302)	(1.106.113.077.472)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	980.872.353.181	769.455.208.644
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	8.865.404.174	(5.684.433.736)
Tiền lãi vay đã trả	14	(222.175.808.702)	(122.308.879.878)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.469.989.593)	(14.186.487.974)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.199.619.430)	(5.088.135.007)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(207.553.493.594)	(407.390.408.376)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(34.448.328.678)	(25.557.377.507)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	663.636.362	202.727.272
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(260.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.000.000.000	-
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	114.270.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.326.121.058	39.015.698.094
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	101.551.428.742	13.661.047.859

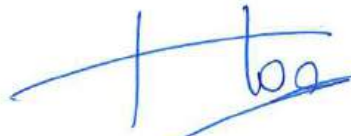
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND			
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	14.871.230.792.100	3.319.486.243.909
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(14.673.924.666.171)	(2.919.298.792.578)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.316.086.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	197.306.125.929	396.871.364.531
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	91.304.061.077	3.142.004.014
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.532.123.314.213	1.529.298.838.140
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.681.720.416	(317.527.941)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.628.109.095.706	1.532.123.314.213


Hoàng Thị Hưng
Người lập biểu


Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200826844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 23 tháng 7 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 18 (lần gần nhất) ngày 06 tháng 02 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên sàn Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ ngày 18 tháng 01 năm 2018 với mã chứng khoán là VPG.

Trụ sở chính của Công ty có địa chỉ tại số 123BT 02-97 đường Bạch Đằng, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 145 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 132 người).

Hoạt động kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh khoáng sản, kinh doanh bất động sản và xây lắp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản và xây lắp, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện theo thời gian đầu tư, kinh doanh từng dự án. Đối với các hoạt động khác, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Newland	Hải Phòng	90	90	Kinh doanh bất động sản

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con.

Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đối với hàng tồn kho sản xuất và hàng hóa: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với hàng hóa, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Đối với hàng tồn kho bất động sản: Bất động sản thuộc Dự án phát triển nhà ở, chỉnh trang đô thị tại số 80 Hạ Lý, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ("Dự án Royal River City") được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho bất động sản. Giá gốc của hàng tồn kho bất động sản bao gồm chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó, chủ yếu bao gồm: chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất, chi phí thi công xây dựng, chi phí lãi vay, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan trong quá trình xây dựng dự án.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty tại lô đất số 123BT 02-97 đường Bạch Đằng, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng và tại lô đất thuộc Tòa nhà số 2 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội của Công ty với mục đích làm trụ sở văn phòng. Quyền sử dụng đất lâu dài không được trích khấu hao.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài, nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc

Số năm
05 - 40

Quyền sử dụng đất lâu dài không được trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, bao gồm chi phí bán bất động sản và bán hàng phân bổ, công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản trả trước khác.

Chi phí bán bất động sản phân bổ bao gồm chi phí hoa hồng môi giới, phí dịch vụ phát triển kinh doanh và chi phí triển khai quảng cáo, và các khoản trả trước khác. Chi phí bán hàng hóa phân bổ là chi phí vận chuyển hàng hóa. Các khoản chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh phù hợp với doanh thu bán hàng.

Công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán cho dịch vụ cho thuê tài sản chưa được cung cấp. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi và lãi từ các khoản đầu tư

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	306.637.486	474.699.380
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.469.717.936.426	528.394.666.574
Các khoản tương đương tiền (i)	158.084.521.794	1.003.253.948.259
	1.628.109.095.706	1.532.123.314.213

(i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,6%/năm đến 4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: lãi suất từ 2,3%/năm đến 3,75%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền và tiền gửi không kỳ hạn với giá trị ghi sổ là 158.384.521.794 VND và 2.222.423 USD đã được phong tỏa hoặc thế chấp để đảm bảo cho các khoản UPAS LC, các khoản vay ngân hàng ngắn hạn và các nghĩa vụ tín dụng khác của Công ty (chi tiết tại Thuyết minh số 22).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND Giá gốc	VND Dự phòng	VND Giá gốc	VND Dự phòng
Ngắn hạn	260.000.000	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	260.000.000	-	-	-
Dài hạn	4.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Trái phiếu (ii)	4.000.000.000	-	10.000.000.000	-

(i) Phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất 5%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, toàn bộ khoản tiền gửi tiết kiệm đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Công ty (chi tiết tại Thuyết minh số 22).

(ii) Phản ánh 4.000 trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với mệnh giá 1.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm, đáo hạn ngày 25 tháng 12 năm 2028, tiền lãi được trả sau, định kỳ hàng năm vào ngày 25 tháng 12 với lãi suất áp dụng là lãi suất tham chiếu cộng 1,1%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, toàn bộ trái phiếu này đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Công ty (chi tiết tại Thuyết minh số 22).

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND Giá gốc	VND Dự phòng	VND Giá gốc	VND Dự phòng
Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát (i)	33.480.000.000	-	147.750.000.000	-

(i) Theo Biên bản họp Đại hội cổ đông của Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát số 01.06/BB-ĐH ĐCĐ ngày 01 tháng 6 năm 2024, Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát đã thực hiện giảm vốn điều lệ và hoàn trả phần vốn góp cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông. Theo đó giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát đã giảm tương ứng, nhưng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết không thay đổi là 7,44%.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính trên tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Nhiệt điện Duyên hải - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	536.665.268.725	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mía	521.507.991.356	83.890.106.737
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Hưng Thịnh	328.539.391.400	112.958.873.266
Chi nhánh phát điện Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	113.286.462.351	-
Công ty HH Thương mại Vận hợp Hà Khẩu	70.927.139.906	43.274.143.785
Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung	69.672.099.853	69.672.099.853
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	49.201.709.229	38.130.077.205
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hùng Cường	25.336.351.178	-
Ban Quản lý dự án phát triển đô thị và đầu tư xây dựng công trình dân dụng	20.168.090.000	56.374.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn	12.270.413.712	-
Công ty Cổ phần Luyện kim đen Thái Nguyên	7.757.100.000	10.354.875.531
Phải thu khách hàng dự án Royal River City	27.147.999.631	-
Các đối tượng khác	2.282.685.553	2.309.292.136
	1.784.762.702.894	360.645.842.513

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, một số khoản phải thu Công ty Nhiệt điện Duyên hải – Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (chi tiết tại Thuyết minh số 22).

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Tất Thành (i)	326.216.127.010	222.227.200.000
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Âu Việt (i)	325.357.935.660	259.717.158.314
Công ty TNHH LS Ly sok (i)	191.785.119.240	195.120.000.000
Công ty Cổ phần Kiến trúc & Nội thất Rhinelux	7.604.845.622	20.029.256.796
Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Bất động sản Weland	1.542.480.394	16.694.367.666
Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Hải	-	381.381.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát	-	96.629.465.640
Coecco Minerals Iron Sole Co., Ltd.	-	92.833.626.285
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hưng Thịnh 168 Thái Nguyên	-	1.000.000.000
Các đối tượng khác	4.853.807.845	67.471.009.050
	857.360.315.771	1.353.103.083.751
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)	-	96.629.465.640

Phản ánh các khoản trả trước cho người bán theo các phương án kinh doanh đã được Tổng Giám đốc phê duyệt và các hợp đồng mua bán than cốc, than nhiệt và quặng sắt để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời gian giao hàng dự kiến là trong năm 2025.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Thuế giá trị gia tăng đầu ra đã xuất hóa đơn nhưng chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu	191.911.643.509	118.551.374.871
Tạm ứng cho nhân viên	10.171.421.886	79.478.046.209
Ký quỹ	502.000.000	1.849.607.902
Dự thu lãi tiền gửi	289.108.822	1.557.142.456
Phải thu khác	3.128.482.458	333.456.096
	206.002.656.675	201.769.627.534
b. Dài hạn		
Ký quỹ	623.946.481	612.500.000
	623.946.481	612.500.000

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung	69.672.099.853	17.789.698.476	69.672.099.853	28.585.619.412
Công ty Cổ phần Phát triển thương mại An Khánh	-	-	268.592.500	-
	69.672.099.853	17.789.698.476	69.940.692.353	28.585.619.412
Tổng giá trị dự phòng đã trích lập	51.882.401.377		41.355.072.941	

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	9.332.020.219	-	77.265.394.935	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.459.028	-	4.747.405	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	389.664.720.789	-	423.247.373.816	-
- Dự án Royal River City	389.514.720.789	-	415.382.528.667	-
- Gói thầu 3.23 - San nền phía ngoài đê tả Sông Cấm và san nền từ đê tả Sông Cấm đến đường trục chính Đông Tây	-	-	7.714.845.149	-
- Khác	150.000.000	-	150.000.000	-
Thành phẩm	35.591.727.720	-	92.574.424.611	-
Hàng gửi đi bán	1.560.713.642.486	-	1.413.774.528.637	-
Hàng hoá	1.361.952.336.756	-	987.596.268.442	-
	3.357.257.906.998	-	2.994.462.737.846	-

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, một số hàng hóa đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng (chi tiết tại Thuyết minh số 22).
- Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền và các lợi ích khác gắn liền với Dự án phát triển nhà ở, chỉnh trang đô thị tại số 80 Hạ Lý, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Newland, công ty con của Công ty, tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Lê Chân (chi tiết tại Thuyết minh số 24).

Trong năm, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Dự án Royal River City với giá trị là 22.398.996.389 VND (năm 2023: 33.501.633.887 VND).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bán bất động sản	12.490.531.182	-
Chi phí bán hàng hóa	2.685.550.730	5.049.901.250
Khác	460.532.247	375.562.311
	15.636.614.159	5.425.463.561
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.429.706.416	347.319.491
Khác	882.662.533	1.334.509.514
	7.312.368.949	1.681.829.005

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Các khoản thuế phải thu				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.278.866.849	858.620.278	-	1.420.246.571
	2.278.866.849	858.620.278	-	1.420.246.571
Các khoản thuế phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	2.799.758.178.136	2.789.930.914.857	9.827.263.279
- Thuế GTGT đầu ra	-	1.647.288.748.279	1.637.461.485.000	9.827.263.279
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.152.469.429.857	1.152.469.429.857	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.956.042.354	42.905.426.172	13.469.989.593	34.391.478.933
Thuế thu nhập cá nhân	73.289.490	911.869.503	834.734.114	150.424.879
Thuế khác	-	78.764.858.946	74.953.453.106	3.811.405.840
	5.029.331.844	2.922.340.332.757	2.879.189.091.670	48.180.572.931

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	5.853.031.454	23.705.705.642	26.848.381.768	1.328.830.909	57.735.949.773
Tăng do mua sắm	1.179.570.000	907.500.000	11.862.518.523	440.588.889	14.390.177.412
Thanh lý	-	-	(1.727.900.000)	-	(1.727.900.000)
Số dư cuối năm	7.032.601.454	24.613.205.642	36.983.000.291	1.769.419.798	70.398.227.185
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	1.138.834.441	23.327.752.609	16.321.208.127	1.192.670.588	41.980.465.765
Khấu hao trong năm	799.779.472	434.023.420	3.961.594.970	50.675.756	5.246.073.618
Giảm do thanh lý	-	-	(1.727.900.000)	-	(1.727.900.000)
Số dư cuối năm	1.938.613.913	23.761.776.029	18.554.903.097	1.243.346.344	45.498.639.383
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	4.714.197.013	377.953.033	10.527.173.641	136.160.321	15.755.484.008
Tại ngày cuối năm	5.093.987.541	851.429.613	18.428.097.194	526.073.454	24.899.587.802

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 35.088.900.277 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 26.590.667.459 VND).

Công ty đã thể chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 9.306.684.791 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 7.278.390.929 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng của Công ty (chi tiết tại Thuyết minh số 22).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình phản ánh:

- Quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty tại lô đất số 123BT 02-97 đường Bạch Đằng, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 35.829.500.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 35.829.500.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân (chi tiết tại Thuyết minh số 22).
- Quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty tại lô đất Tòa nhà số 2 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 297.207.580.015 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng (chi tiết tại Thuyết minh số 24).

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	-	-	-
Xây dựng cơ bản hoàn thành	119.507.693.955	23.353.244.181	142.860.938.136
Số dư cuối năm	119.507.693.955	23.353.244.181	142.860.938.136
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	1.253.862.142	1.253.862.142
Số dư cuối năm	-	1.253.862.142	1.253.862.142
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	119.507.693.955	22.099.382.039	141.607.075.994

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất lâu dài, nhà cửa, vật kiến trúc thuộc Tòa nhà số 2 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội được Công ty cho thuê làm văn phòng.

Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 141.607.075.994 VND để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn ngân hàng của Công ty (chi tiết tại Thuyết minh số 24).

Trong năm, số tiền Công ty thu được (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) từ việc cho thuê bất động sản đầu tư (toàn bộ bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức thuê hoạt động) là 27.336.760.000 VND (năm trước: chưa phát sinh), trong đó: doanh thu đã ghi nhận trong năm là 6.701.600.000 VND và doanh thu chưa thực hiện tương ứng là 18.150.000.000 VND (năm trước: chưa phát sinh). Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư (đã bao gồm chi phí khấu hao) trong năm là 3.388.014.547 VND (năm trước: chưa phát sinh).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý cho toàn bộ bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 do đang trong quá trình tìm kiếm công ty tư vấn phù hợp để thực hiện việc xác định giá trị hợp lý này.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tòa nhà số 2 Trần Hưng Đạo, Hà Nội (i)	69.411.006.521	470.860.335.324
Dự án xây dựng văn phòng tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng	6.469.251.276	6.467.043.190
Mua sắm tài sản cố định	-	5.147.234.977
Khác	47.700.000	-
	75.927.957.797	482.474.613.491

(i) Phản ánh quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chi phí cải tạo, sửa chữa tại Tòa nhà số 2 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng chuyển nhượng Tòa nhà số 2 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội ngày 15 tháng 6 năm 2022 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng (chi tiết tại Thuyết minh số 24).

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	12.744.568.474	162.736.621
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12.744.568.474	162.736.621

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Pine Energy PTE Ltd.	1.453.144.305.706	-
Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận	206.643.308.134	7.427.238.300
Trafigura Asia Trading PTE Ltd.	131.335.319.566	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thép Hùng Cường	50.849.997.443	-
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Dịch vụ Vân Hà	30.008.817.173	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát	16.127.511.568	-
Công ty Cổ phần Vũ Quang	15.200.584.917	251.789.917
Công ty TNHH Nam Tiến	8.257.623.138	-
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Chiến Công	6.878.456.625	5.984.207.424
PT Sumber Global Energy Tbk	6.179.437.785	195.343.485.772
Summit Crm, Ltd.	-	110.602.046.816
Công ty Cổ phần Vilaconic	-	7.672.614.360
Các đối tượng khác	22.002.364.537	19.246.499.178
	1.946.627.726.592	346.527.881.767
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)	16.127.511.568	-

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi nhánh phát điện Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	80.294.112.095	823.117.329.731
Khách hàng mua nhà tại Dự án Royal River City trả trước theo tiến độ hợp đồng	65.879.580.883	-
Các đối tượng khác	12.339.734.672	532.320.172
	158.513.427.650	823.649.649.903

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần phát triển và kinh doanh Bất động sản Weland	6.429.706.416	-
Hỗ trợ lãi suất khách hàng mua nhà dự án Royal River City	5.897.301.033	-
Trích trước chi phí lãi vay	2.674.122.445	2.190.932.325
Trích trước dự trả phí UPAS	3.374.299.043	-
Khác	933.439.290	44.800.000
	19.308.868.227	2.235.732.325

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhận đặt cọc thực hiện hợp đồng phải hoàn trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long (i)	13.000.000.000	13.000.000.000
Cố tức phải trả	10.521.814.877	10.521.814.877
Nhận tiền đặt cọc mua nhà	8.453.652.532	-
Lệ phí trước bạ	1.822.984.116	-
Kinh phí công đoàn	224.676.000	38.417.520
Phải trả thư tín dụng nhập khẩu	-	2.323.649.836.715
Khác	1.035.861.977	4.034.504.013
	35.058.989.502	2.351.244.573.125

(i) Phản ánh số tiền nhận đặt cọc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long cho việc chuyển nhượng dự án “Nhà máy sản xuất khung thép tiền chế, gia công thép định hình, phân loại và kinh doanh quặng sắt”. Dự án đã được chuyển giao thành công cho bên khác trong năm 2020. Theo đó, khoản đặt cọc này sẽ được hoàn trả cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long trong thời gian tới.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

22. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND			VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.607.745.419.423	1.607.745.419.423	9.982.251.754.500	7.254.186.865.043	2.964.193.804	4.338.774.502.684
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân	703.004.159.518	703.004.159.518	1.976.695.448.491	1.606.504.928.847	-	1.073.194.679.162
(i)						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (ii)	522.071.368.200	522.071.368.200	4.457.582.463.456	3.465.805.957.577	-	1.513.847.874.079
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (LC UPAS) - Chi nhánh Hà Nội (iii)	-	-	1.404.068.953.474	422.051.988.070	2.964.193.804	984.981.159.208
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc Hải Phòng (iv)	377.527.865.365	377.527.865.365	1.091.230.990.576	869.273.580.214	-	599.485.275.727
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội (iv)	5.142.026.340	5.142.026.340	4.430.615.314	9.572.641.654	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (v)	-	-	1.025.158.077.189	858.151.768.681	-	167.006.308.508
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (vi)	-	-	259.206.000	-	-	259.206.000
Vay cá nhân	-	-	22.826.000.000	22.826.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 24)	112.508.142.522	112.508.142.522	92.896.434.245	112.508.142.522	-	92.896.434.245
	1.720.253.561.945	1.720.253.561.945	10.075.148.188.745	7.366.695.007.565	2.964.193.804	4.431.670.936.929

Chi tiết các khoản vay như sau:

- (i) Phản ánh khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân ("Vietinbank Lê Chân") theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024/HĐCVHM/NHCT164-VPG-1.500TY ngày 30 tháng 5 năm 2024 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/2024/SD2/HĐCVHM/NHCT164-VPG-2.890TY ngày 30 tháng 7 năm 2024 với tổng mức dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay tại mọi thời điểm không vượt quá 2.890.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại quặng sắt và than các loại. Thời gian duy trì hạn mức cho vay là kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 5 năm 2025. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh mỗi tháng. Lãi suất áp dụng cho các khoản nhận nợ còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là từ 3,80%/năm đến 4,10%/năm.

Khoản vay và các nghĩa vụ tín dụng khác của Công ty được đảm bảo bởi:

- Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 5.506.785.519 VND (xem chi tiết tại Thuyết minh số 13);
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại Lô đất số 123BT 02-97, đường Bạch Đằng, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng (chi tiết tại Thuyết minh số 14); và
- Một số quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Văn Bình (cố đồng của Công ty) và các cá nhân khác.

- (ii) Phản ánh các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2024/2576312/HĐTD ngày 15 tháng 7 năm 2024 với hạn mức cấp tín dụng tối đa là 1.200 tỷ VND, trong đó, dư nợ cho vay, phát hành bảo lãnh thanh toán tối đa là 800 tỷ VND. Hạn mức tín dụng được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức từ ngày ký Hợp đồng đến ngày 15 tháng 7 năm 2025. Lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Lãi suất áp dụng cho các khoản nhận nợ còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là từ 4,5%/năm đến 5,3%/năm.
- Hợp đồng tín dụng số 03/2023/2576312/HĐTD ngày 24 tháng 8 năm 2023 với hạn mức cấp tín dụng tối đa là 3.450 tỷ VND, trong đó, dư nợ cho vay, mở L/C tối đa là 2.270 tỷ VND, dư bảo lãnh tối đa là 1.180 tỷ VND. Hạn mức tín dụng được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ cung cấp than vận hành thương mại nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 năm 2023-2024 theo hợp đồng số 38/2023/HĐKT/SH1PP-VPG-SGE-BMSR ngày 14 tháng 8 năm 2023. Thời hạn cấp tín dụng theo thời hạn của hợp đồng cung cấp than trên. Lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Lãi suất áp dụng cho các khoản nhận nợ còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là từ 4,2%/năm đến 4,9%/năm.
- Hợp đồng tín dụng số 02/2024/2576312/HĐTD ngày 18 tháng 9 năm 2024 với hạn mức cấp tín dụng tối đa là 4.250 tỷ VND, trong đó, dư nợ cho vay, mở L/C tối đa là 3.230 tỷ VND, dư bảo lãnh tối đa là 1.020 tỷ VND. Hạn mức tín dụng được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ Gói thầu cung cấp than vận hành thương mại nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 năm 2024-2025 theo hợp đồng số 1556/2024/PVPG/SH1TPP-VPG-PINE ngày 6 tháng 9 năm 2024. Thời hạn cấp tín dụng theo thời hạn của hợp đồng cung cấp than trên. Lãi suất

cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Lãi suất áp dụng cho các khoản nhận nợ còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4,9%/năm.

Khoản vay và các nghĩa vụ tín dụng khác của Công ty được đảm bảo bởi:

- Một số khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 3 tháng của Công ty với giá trị ghi sổ là 46.300.000.000 VND (chi tiết tại Thuyết minh số 04);
- Một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 3.799.899.273 VND (chi tiết tại Thuyết minh số 13); và
- Một số quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Bình và Bà Lê Thị Thanh Lệ và các cá nhân khác.

Ngoài ra, các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 96.000.000.000 VND và 2.222.423 USD đã được phong tỏa để đảm bảo cho nghĩa vụ tín dụng khác (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 560.057.588.284 VND) (chi tiết tại Thuyết minh số 04).

- (iii) Các khoản phải trả thư tín dụng nhập khẩu liên quan đến các hợp đồng mua hàng hóa từ các nhà cung cấp theo phương thức thanh toán Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C - Usance payable at sight Letter of Credit) thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") - Chi nhánh Hà Nội với mức phí dịch vụ theo thỏa thuận trên từng thư tín dụng. Theo các hợp đồng này, các nhà cung cấp được ngân hàng thanh toán ngay và Công ty được thanh toán chậm với ngân hàng trong thời hạn 04 tháng (năm 2023: từ 04 tháng đến 06 tháng).

Các khoản UPAS LC với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ("BIDV Hà Nội"), cùng với các khoản vay ngắn hạn và các nghĩa vụ tín dụng khác, được đảm bảo bằng các tài sản đã thế chấp cho BIDV Hà Nội như trình bày chi tiết tại mục (ii).

- (iv) Số dư cuối năm phản ánh khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("Agribank") - Chi nhánh Bắc Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số 2111-LAV-202400443/HĐTD ngày 25 tháng 7 năm 2024 với hạn mức cấp tín dụng bao gồm hạn mức cho vay, bảo lãnh, hạn mức mở L/C và các hình thức tín dụng khác là 1.400.000.000.000 VND, trong đó dư nợ vay tối đa là 600.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án sản xuất kinh doanh năm 2024-2025. Thời gian duy trì hạn mức cho vay từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 15 tháng 7 năm 2025. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo lãi suất quy định của Agribank Chi nhánh Bắc Hải Phòng từng thời kỳ. Lãi suất áp dụng cho các khoản nhận nợ còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4%/năm.

Khoản vay và các nghĩa vụ tín dụng khác (bao gồm L/C và các khoản bảo lãnh) được đảm bảo bởi:

- Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000.000.000 VND) (chi tiết tại Thuyết minh số 05);
- Một số hàng tồn kho của Công ty (chi tiết tại Thuyết minh số 10); và
- Một số quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của các cá nhân khác.

- (v) Phản ánh khoản vay từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng tín dụng số BCLC-2915-01 ngày 18 tháng 6 năm 2024 với hạn mức 1.500 tỷ VND để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành LC để thực hiện thỏa thuận cung cấp than với Công ty Nhiệt điện Duyên Hải - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 theo gói thầu số 01TH-DH3&DH3MR-2024: Mua sắm than phục vụ vận hành thương mại của Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3 và Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 18 tháng tính từ ngày ký kết hợp đồng. Lãi suất

cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất áp dụng cho các khoản nhận nợ còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là từ 6,2%/năm đến 6,5%/năm.

Khoản này được đảm bảo bởi:

- Tiền gửi có kỳ hạn với với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 16.084.521.794 VND (chi tiết tại Thuyết minh số 04),
- Quyền đòi nợ từ hợp đồng đầu ra với Công ty Nhiệt điện Duyên Hải – Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 (chi tiết tại Thuyết minh số 06),
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Đức (cổ đông của Công ty) và vợ là bà Đào Thị Nhẫn.

(vi) Phản ánh khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số 8731882.24 ngày 18 tháng 7 năm 2024 với hạn mức 300 tỷ VND để đáp ứng nhu cầu về bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động bán buôn than cốc, than nhiệt và quặng kim loại các loại phù hợp với đăng ký kinh doanh của Công ty. Thời hạn của khoản tín dụng là 12 tháng kể từ ngày kí kết hợp đồng. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân. Lãi suất áp dụng cho các khoản nhận nợ còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4,5%/năm.

Khoản vay được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 260.000.000 VND (chi tiết tại Thuyết minh số 05).

23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	24.206.689.174	26.168.191.109
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	-	3.126.633.072
Chi quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	(7.199.619.430)	(5.088.135.007)
Số dư cuối năm	17.007.069.744	24.206.689.174

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc Hải Phòng (i)	206.996.000.000	206.996.000.000	-	15.336.000.000	191.660.000.000	191.660.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân (ii)	291.516.427.567	291.516.427.567	191.189.006.678	405.145.000.000	77.560.434.245	77.560.434.245
	498.512.427.567	498.512.427.567	191.189.006.678	420.481.000.000	269.220.434.245	269.220.434.245

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng
- Số phải trả sau 12 tháng

92.896.434.245	92.896.434.245
176.324.000.000	176.324.000.000

(i) Phản ánh khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng theo Hợp đồng cho vay số 2111-LAV-202200299 ngày 14 tháng 6 năm 2022 với số tiền cho vay là 230 tỷ VND để thanh toán chi phí thực hiện Dự án Đầu tư nhận chuyển nhượng tòa nhà văn số 2 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Thời hạn vay tối đa là 180 tháng (15 năm) kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay được thả nổi theo từng thời kỳ, được xác định bằng trần lãi suất gửi tiết kiệm niêm yết bằng VND, trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng + biên độ 3%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và theo thông báo của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng vào ngày đầu tiên hàng quý của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12. Lãi suất áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 7,7%/năm. Gốc và lãi vay được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Tòa nhà số 2 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội (chi tiết tại Thuyết minh số 14, 15 và 16).

(ii) Phản ánh khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Newland, công ty con của Công ty từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lê Chân (“Vietinbank Lê Chân”) theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 12/2022-HĐCVDADT/NHCT164-NEWLAND-80HALY ngày 22 tháng 12 năm 2022 để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án phát triển nhà ở, chỉnh trang đô thị tại số 80 Hạ Lý, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng với tổng số tiền cam kết cho vay là 521.663.000.000 VND, thời hạn giải ngân là 24 tháng và thời gian cho vay là 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay được điều chỉnh hàng tháng và được xác định bằng lãi suất cơ sở (là lãi suất huy động tiết kiệm VND cao nhất trả lãi sau của kỳ hạn bằng thời hạn cho vay + chi phí huy động tăng thêm (nếu có)) + biên độ 4,5%/năm. Các khoản nhận nợ trong kỳ chịu lãi suất 10% đến 11,5%/năm. Khoản vay được ân hạn gốc cho đến thời điểm phát sinh khoản thu đầu tiên từ Dự án và tối đa 18 tháng kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022 (ngày giải ngân đầu tiên).

Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, quyền và lợi ích khác gắn liền với Dự án phát triển nhà ở, chỉnh trang đô thị tại số 80 Hạ Lý, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng (Dự án River Royal City) (chi tiết tại Thuyết minh số 10).

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	92.896.434.245	112.508.142.522
Trong năm thứ hai	15.336.000.000	209.680.285.045
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	46.008.000.000	46.008.000.000
Sau năm năm	114.980.000.000	130.316.000.000
	269.220.434.245	498.512.427.567
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(92.896.434.245)	(112.508.142.522)
Số phải trả sau 12 tháng	176.324.000.000	386.004.285.045

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	801.983.360.000	237.848.870.000	21.064.879.000	389.817.142.819	29.995.713.226	1.480.709.965.045
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	19.461.024.517	(79.714.647)	19.381.309.870
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	40.087.350.000	-	-	(40.087.350.000)	-	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(3.975.225.177)	-	(3.975.225.177)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.126.633.072)	-	(3.126.633.072)
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	6.253.266.144	(6.253.266.144)	-	-
Số dư đầu năm nay	842.070.710.000	237.848.870.000	27.318.145.144	355.835.692.943	29.915.998.579	1.492.989.416.666
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	98.768.553.147	10.047.939.348	108.816.492.495
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	42.086.800.000	-	-	(42.086.800.000)	-	-
Số dư cuối năm nay	884.157.510.000	237.848.870.000	27.318.145.144	412.517.446.090	39.963.937.927	1.601.805.909.161

(i) Theo Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 6 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc thực hiện chia cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu với tỷ lệ thực hiện 5%, tương đương 500 VND/cổ phiếu với ngày đăng ký cuối cùng theo thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm		Số đầu năm	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	88.415.751		84.207.071	
Cổ phiếu phổ thông	88.415.751		84.207.071	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	88.415.751		84.207.071	
Cổ phiếu phổ thông	88.415.751		84.207.071	

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 884.157.510.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 842.070.710.000 VND), vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Văn Bình	228.024.221.829	25,79	217.151.250.000	25,79
Ông Nguyễn Văn Đức	29.796.108.087	3,37	28.353.880.000	3,37
Bà Lê Thị Thanh Lệ	40.052.335.203	4,53	38.115.000.000	4,53
Các cổ đông khác	586.284.844.881	66,31	558.450.580.000	66,31
Tổng cộng	884.157.510.000	100,00	842.070.710.000	100,00

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ng ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	49.471.320,13	13.250.729,12

Tài sản thuê ngoài

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	5.142.000.000	4.962.834.500
Trên 1 năm đến 5 năm	15.827.500.000	6.633.000.000
	20.969.500.000	11.595.834.500

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê kho bãi của Công ty theo các hợp đồng thuê đã ký từ năm 2020 đến năm 2028.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ, bao gồm: bộ phận xây dựng, bộ phận kinh doanh bất động sản và bộ phận kinh doanh khoáng sản (chủ yếu là than, quặng sắt và thép).

Việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp và không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Chỉ tiêu	Xây dựng		Kinh doanh bất động sản		Kinh doanh khoáng sản và khác		Không phân bổ		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm nay/Số cuối năm										
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	60.275.287.963	513.510.002.957	15.683.416.578.434				16.257.201.869.354			
2. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh	(3.072.519.947)	105.573.047.559	6.315.964.883				108.816.492.495			
3. Tài sản bộ phận	150.000.000	455.008.138.876	7.559.273.176.295				8.456.876.352.983			
4. Nợ phải trả bộ phận	-	212.858.826.479	6.465.887.617.343				6.855.070.443.822			
Năm trước/Số đầu năm										
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	16.836.557.273	-	6.320.888.060.233				6.337.724.617.506			
2. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh	(1.527.910.060)	(845.558.717)	21.754.778.647				19.381.309.870			
3. Tài sản bộ phận	7.714.845.149	538.153.702.652	5.968.496.192.892				7.155.448.475.518			
4. Nợ phải trả bộ phận	-	292.414.175.661	5.178.384.883.191				5.662.459.058.852			

Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán than nhiệt	11.523.654.889.403	2.787.873.631.062
Doanh thu bán than cốc	2.212.174.151.826	2.138.577.560.581
Doanh thu bán quặng sắt	1.617.606.011.335	1.148.341.736.706
Doanh thu bán bất động sản	506.808.402.957	-
Doanh thu bán hàng hóa khác	325.144.669.136	242.663.860.364
Doanh thu hợp đồng xây dựng	60.275.287.963	16.836.557.273
Doanh thu cho thuê văn phòng	6.701.600.000	-
Doanh thu khác	4.836.856.734	3.431.271.520
	16.257.201.869.354	6.337.724.617.506

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của than nhiệt	11.300.834.433.172	2.548.167.940.646
Giá vốn của than cốc	2.119.461.559.083	2.009.557.889.825
Giá vốn của quặng sắt	1.487.287.764.077	1.131.478.837.768
Giá vốn bất động sản	318.899.510.765	-
Giá vốn của hàng hóa khác	323.190.544.604	240.430.776.767
Giá vốn hợp đồng xây dựng	63.347.807.910	18.364.467.333
Giá vốn cho thuê văn phòng	3.388.014.547	-
Giá vốn khác	3.632.871.239	3.401.222.871
	15.620.042.505.397	5.951.401.135.210

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.926.272.502.733	1.309.869.617.983
Chi phí nhân công	33.880.085.894	26.851.456.573
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.499.935.760	5.669.792.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.052.163.114.111	928.053.594.195
Chi phí khác bằng tiền	140.766.548.949	62.644.571.843
	4.159.582.187.447	2.333.089.033.064

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	14.058.087.424	38.103.946.750
Lãi chênh lệch tỷ giá	152.254.024.663	34.558.632.683
	166.312.112.087	72.662.579.433

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	116.182.667.774	114.386.005.190
Phí dịch vụ UPAS LC	90.678.325.133	112.581.331.991
Lỗ chênh lệch tỷ giá	106.623.317.711	24.200.091.481
	313.484.310.618	251.167.428.662

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí giao nhận, vận tải	179.899.206.016	105.385.547.991
Chi phí bán bất động sản	58.343.138.917	-
Các khoản chi phí bán hàng khác	37.050.000	592.189.620
	238.279.394.933	105.977.737.611
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	20.670.308.337	18.127.003.583
Thuế, phí và lệ phí	49.313.438.400	27.127.215.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.727.185.965	12.639.351.259
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10.527.328.436	6.230.208.549
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.633.259.180	7.518.702.681
	105.871.520.318	71.642.481.492

34. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thưởng đôi nặt	7.373.758.512	3.523.176.684
Thu từ phạt hợp đồng	562.045.739	6.209.486.064
Nhận bồi thường từ các công ty bảo hiểm	782.892.634	132.201.035
Lãi vay được miễn	531.214.261	-
Các khoản khác	1.577.462.330	637.411.319
	10.827.373.476	10.502.275.102

35. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền chậm nộp thuế, truy thu thuế giá trị gia tăng	2.739.349.504	147.718.423
Lỗi từ thanh lý tài sản dài hạn	3.944.290.041	700.949.425
Phạt dôi nộp	3.299.528.140	3.816.378.414
Tài trợ giải phóng mặt bằng ngoài dự án	2.306.222.223	-
Chi phí khấu hao	1.408.562.378	1.621.099.908
Tiền bồi thường dự án	966.349.000	-
Phạt hành chính	2.444.561.472	7.042.084.920
Các khoản khác	414.674.079	187.125.438
	17.523.536.837	13.515.356.528

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	31.257.581.814	7.956.042.354
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu (i)	11.647.844.358	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	42.905.426.172	7.956.042.354

(i) Phản ánh khoản truy thu thuế TNDN theo Quyết định xử phạt hành chính số 176/QĐ-XPHC ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thuế khu vực Hồng Bàng – An Dương, Cục thuế Hải Phòng với thời kỳ kiểm tra thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	139.140.086.814	27.185.332.538
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	25.796.761.545	11.834.780.807
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(7.835.256.185)	-
Chuyển lỗ	(813.683.104)	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	156.287.909.070	39.020.113.345
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	156.287.909.070	39.780.211.772
Lỗi tính thuế	-	(760.098.427)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	31.257.581.814	7.956.042.354
Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	11.647.844.358	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	42.905.426.172	7.956.042.354

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	12.744.568.474	162.736.621
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(162.736.621)	(10.716.935)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	12.581.831.853	152.019.686

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
		(Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ (VND)	98.768.553.147	19.461.024.517
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (i)	(4.938.427.657)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	93.830.125.490	19.461.024.517
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	88.415.751	88.415.751
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.061	220

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 với tỷ lệ là 5%. Theo đó, lợi nhuận năm 2024 phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được điều chỉnh giảm một khoản tương ứng.

Trong tháng 7 năm 2024, Công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Ngoài ra, Công ty không trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023. Theo đó, lợi nhuận năm 2023 phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được điều chỉnh tăng một khoản tương ứng. Chi tiết các điều chỉnh như sau:

	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ (VND)	19.461.024.517	19.461.024.517
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(973.051.226)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	18.487.973.291	19.461.024.517
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	84.207.071	88.415.751
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	220	220

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Tiên Thanh	Cùng người quản lý chủ chốt
Ông Nguyễn Văn Bình	Cổ đông, Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thanh Lệ	Phó Tổng Giám đốc

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	33.480.000.000	147.750.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát	33.480.000.000	147.750.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	96.629.465.640
Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát	-	96.629.465.640
Phải trả người bán ngắn hạn	16.127.511.568	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát	16.127.511.568	-

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nhận lại tiền góp vốn	114.270.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát	114.270.000.000	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	267.381.929.811	33.590.625.832
Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát	267.381.929.811	33.590.625.832

Thù lao/Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán và Kế toán trưởng được hưởng trong năm như sau:

STT Họ và tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
1 Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch	1.037.500.000	900.000.000
2 Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc,	791.074.428	613.387.991
	Thành viên Hội đồng Quản trị		
3 Bà Lê Thị Thanh Lệ	Phó Tổng Giám đốc,	577.360.000	517.160.000
	Thành viên Hội đồng Quản trị		
4 Ông Nguyễn Khôi	Thành viên Hội đồng Quản trị,	180.000.000	180.000.000
	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán		
5 Ông Lê Đình Điều	Thành viên Hội đồng Quản trị,	180.000.000	180.000.000
	Thành viên Ủy ban Kiểm toán		
6 Bà Ngô Thị Minh Lụa	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	60.000.000	60.000.000
7 Nguyễn Thị Mai Hoa	Kế toán trưởng	443.093.566	370.118.017
		3.269.027.994	2.820.666.008

39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 2.674.122.445 VND (năm 2023: 2.190.932.325 VND), là số lãi vay phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền lãi vay đã trả và tiền thu từ đi vay không bao gồm 6.069.776.213 VND, là số chi phí lãi vay đã phát sinh và được chuyển thành gốc vay trong năm.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 289.108.822 VND (năm 2023: 1.557.142.456 VND), là số lãi tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền chi mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và các tài sản dài hạn khác phát sinh trong năm không bao gồm số tiền 689.468.570 VND là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 24.254.313.949 VND là số tiền đã dùng trong năm để thanh toán cho tài sản cố định mua trong năm trước. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

40. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty ban hành Quyết định số 01/2025/QĐ-HĐQT về việc thành lập Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Việt Phát - Công ty con do Công ty làm chủ sở hữu 100% và cử ông Nguyễn Văn Đức (cổ đông của Công ty) làm người đại diện quản lý phần vốn góp từ ngày 15 tháng 01 năm 2025 cho đến khi có văn bản khác thay thế.

Hoàng Thị Hưng

Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hoa

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đức

Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0200826844

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT

O. HỒNG BÀNG T. PH. HAI PHONG

Ngày 30 tháng 3 năm 2025